BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN.

Sinh viên : Nguyễn Thị Hải
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Thành Tô

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT MINH KHANG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên :Nguyễn Thị Hải
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Thành Tô

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hải Mã SV: 110501

Lớp:QT1103K Ngành:Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Số liệu của năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thành Tô

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Cơ quan công tác: Hội đồng nhân dân thành phố

Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Hải	Thành Tô
Nguyễn Thị Hải	Nguyễn Thành Tô

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Tích cực, chủ động, học hỏi, nghiên cứu, tìm tòi, tập hợp tình hình, số liệu phục vụ cho đề tài.
- Tranh thủ ý kiến của giáo viên hướng dẫn, của bạn bè để bổ sung cho viết thêm phong phú.
- Ý thức trách nhiệm cao, thể hiện khả năng nghiên cứu để giải quyết vấn đề cụ thể do thực tế đặt ra.
- Thái độ nghiêm túc, đúng mực, cầu thị.
- Thực hiện đúng quy trình, tiến độ, kế hoạch của trường.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

Yêu cầu, nội dung đã đề ra trong nhiệm vụ đề tài được bảo đảm, kết cấu hợp lý, bố cục chặt chẽ, đã trình bày có hệ thống nội dung cơ bản của nguyên doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Phản ánh được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang. Kiến nghị hoàn thiện có cơ sở khoa học, phù hợp, có khả năng thực thi, số liệu tính toán, biểu mẫu, mô hình, sơ đồ có chọn lựa.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,75(chín phẩy bảy lăm)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Thành Tô

Nguyễn Thành Tô

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Hải. Ngày sinh: 22/06/1988

Lớp: QT1103K. Ngành: Kế toán - Kiểm toán. Khóa: 11

Thực tập tại: Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.

Từ ngày: 14/02/2011 đến 28/03/2011.

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Chấp hành đúng nội quy, quy chế về quản lý lao động của Công ty.
- Chịu khó học hỏi, tìm hiểu thực tế, quan hệ đúng mực với cán bộ nhân viên phòng Tài chính kế toán.

2. Về những công việc được giao.

- Tìm hiểu nhiệm vụ, cách làm, mối quan hệ giữa các phần hành kế toán từ khâu xử lý chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính.

3. Kết quả đạt được.

- Tuy thời gian ngắn nhưng em Hải đã đạt rất tích cực học hỏi, tìm hiểu và làm theo thực tế của chúng tôi.
- Đạt yêu cầu về số liệu, tình hình quản lý kinh tế tài chính trong báo cáo thực tập là đúng với thực tế của công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2011

Xác nhận của đơn vị thực tập cơ sở **Cán bộ hướng dẫn thực tập của**

LỜI MỞ ĐẦU

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền thu được từ doanh thu bán

hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính...Chi phí thể hiện số tiền bỏ ra nhằm phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Còn kết quả kinh doanh thể hiện cái mà doanh nghiệp đã thu được sau khi trừ đi các chi phí đã bỏ ra. Mục tiêu mà các doanh nghiệp luôn hướng tới là sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Để đạt được mục tiêu, ngoài việc phải tăng doanh thu doanh nghiệp còn phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Và để phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kế toán xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

Nhận thức được vai trò đó, qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Từ những kiến thức đã học và thực tế tìm hiểu em quyết định chọn đề tài: "**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang**" cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khoá luận bao gồm 3 chương được trình bày như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

Trong quá trình viết bài này, em đã nhận được sự chỉ dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện của các chị phòng Kế toán - Tài chính và toàn thể ban lãnh đạo của công ty, các thầy cô khoa QTKD, thầy giáo hướng dẫn. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên khoá luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ,

đóng góp ý kiến của công ty và các thầy cô giáo trong khoa để khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH

THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

1.1.1 Doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2 Hạch toán doanh thu cần tôn trọng một số quy định

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán số 14 " doanh thu va thu nhập" và các chuẩn mực khác có liên quan.

Việc ghi nhận doanh thu phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu.

Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi hàng hóa dịch vụ được trao đổi để lấy doanh thu bán hàng hoặc dịch vụ tương ứng, về bản chất và giá trị thì việc tạo trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu:

- Doanh thu bán hàng.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bán cổ, phiếu cổ tức và lợi nhuận được chia.

Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết cho từng khoản doanh thu như: Doanh thu bán hàng có thể chia thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa nhằm

phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất , kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu và cung cấp dịch vụ như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán trả lại thì phải hạch toán riêng biệt. Vì đây là căn cứ để xác định doanh thu thuần và kết quả kinh doanh.

1.1.1.3 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

a) Các loại doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp dịch vụ.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thanh toán trong nội bộ.

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu, tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp được coi là thực hiện trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu hay chưa thu được tiền.

+ Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản: Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ…

b) Phương pháp xác định doanh thu:

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

+ Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là phản ánh các khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng trong kỳ. Các khoản giảm trừ bao gồm:

Chiết khấu thương mại: Là khoản chiết khấu mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành sản phẩm: Hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Ngoài ra còn có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

1.1.3 Chi phí trong doanh nghiệp.

1.1.3.1 Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.3.2 Các loại chi phí

a) Giá vốn hàng bán:

Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm(hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ- đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm(doanh nghiệp sản xuất); là giá mua cộng với chi phí thu mua hàng hóa(doanh nghiệp thương mại).

Nguyên tắc hạch toán hàng tồn kho:

Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kê khai định kỳ.

Khi đã chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp nào phải nhất quán theo phương pháp ấy theo một niên độ kế toán.

Kê khai định kỳ: Cuối kỳ phải tiến hành kiểm kê để xác định giá thành thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu tồn cuối kỳ.

Đối với các các tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh và tính giá thành sản phẩm dịch vụ. Ngoài việc hạch toán tổng hợp còn phải hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh: Phân xưởng, tổ, đội sản xuất…

Đối với những chi phí sản xuất, kinh doanh không có khả năng hạch toán trực tiếp vào các đối tượng chi phí như: Chi phí sản xuất, chi phí tưới tiêu nước, chi phí chuẩn bị đất…thì tập hợp các chi phí này vào tài khoản tập hợp chi phí sau khi tiến hành phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh đã tập hợp cho các đối

tượng chịu chi phí theo tiêu thức thích hợp.

b) Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên

+ Chi phí bảo hành

+ Chi phí vật liệu, bao bì

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Chi phí bằng tiền khác

+ Chi phí công cụ, dụng cụ.

c) Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý

+ Thuế, phí và lệ phí

+ Chi phí vật liệu quản lý

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Chi phí đồ dùng văn phòng

+ Chi phí bằng tiền khác

+ Chi phí khấu hao TSCĐ.

d) Chi phí tài chính:

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,…Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái… Chi phí tài chính bao gồm:

+ Chi phí liên quan hoạt động đầu tư chứng khoán

+ Chi phí lãi vay vốn kinh doanh, khoản vay ngắn hạn và dài hạn

+ Chi phí hoạt động liên doanh

+ Chi phí về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

+ Chi phí về mua bán ngoại tệ

+ Các chi phí về đầu tư tài chính khác.

e) Chi phí khác:

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

f) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế bao gồm: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, thu nhập hoạt động tài chính, thu nhập khác.

1.1.4 Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.4.1 Khái niệm:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Được xác định giữa chênh lệch doanh thu, thu nhập và các khoản chi trong kỳ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.4.2 Ý nghĩa của kết quả kinh doanh:

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu và chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí luôn gắn liền với việc xác định kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh ngoài việc là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước mà còn là số liệu thông tin cho các nhà đầu tư, ngân hàng, các đối tượng liên quan xem xét có nên đầu tư nữa hay không. Do vậy, với bất kỳ một doanh nghiệp nào, các công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn luôn đóng vai trò quan trọng, nó có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp.

1.1.4.3 Phương pháp xác định doanh thu:

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kết quả kinh doanh được tập hợp từ các doanh thu và các chi phí, bao gồm:

- Các loại doanh thu như: Doanh thu hoạt động sản xuất, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.
- Các chi phí như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.

Cuối kỳ kế toán, các doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh = Tổng doanh thu - Tổng chi phí

1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

+ Vai trò:

Cùng với việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho ta biết được trong kỳ kế toán đó công ty được lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

+ Nhiệm vụ:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.
- Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường(Mẫu số 02 – GTTT – 3LL)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ(Mẫu số 03 PXK – 3LL)
- Phiếu thu(Mẫu số 01 - TT)
- Biên lai thu tiền(Mẫu số 06 - TT)

- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vu:

Là tài khoản phản ánh doanh thu tiêu thụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Bên có:

- Doanh thu bán hàng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 5 tài khoản cấp hai:

- 5111: Doanh thu bán hàng
- 5112: Doanh thu bán hàng thành phẩm
- 5113: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư.

2. Doanh thu bán hàng nội bộ:

Là tài khoản phản ánh doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực tiếp thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá trị nội bộ.

❖ Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu nội bộ thuần vào TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

❖ Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Doanh thu bán hàng nội bộ không có số dư cuối kỳ. TK 512 có 3 tài khoản cấp hai:

- 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- 5122: Doanh thu bán các thành phẩm.
- 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

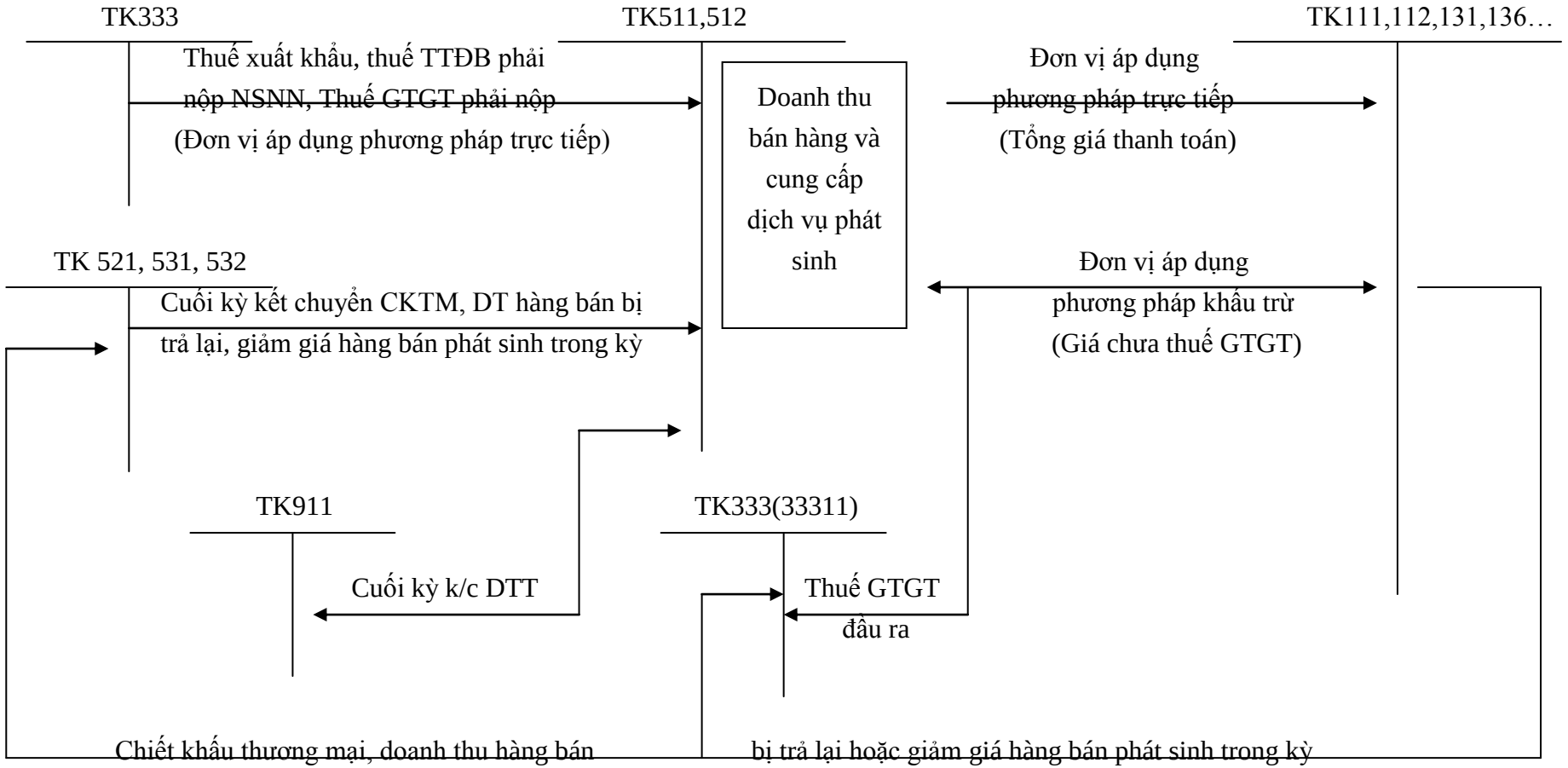

Chú ý: Doanh thu thuần được xác định:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Doanh thu hàng bán bị trả lại	-	Doanh thu hàng giảm giá	-	Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)

1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Chiết khấu thương mại:

Là khoản chiết khấu mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua đã mua hàng với khối lượng lớn hoặc theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho người mua một khoản chiết khấu thương mại(đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa).

❖ Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

❖ Bên có:

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại vào TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Hàng bán trả lại:

Dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại(tính theo giá trị ghi trên hợp đồng).

❖ Bên nợ:

- Doanh thu bán hàng bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

❖ Bên có:

- Kết chuyển hàng hóa bị trả lại vào bên nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Giảm giá hàng bán:

Dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán tiêu thụ phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

❖ Bên nợ:

- Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán

kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

❖ Bên có:

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

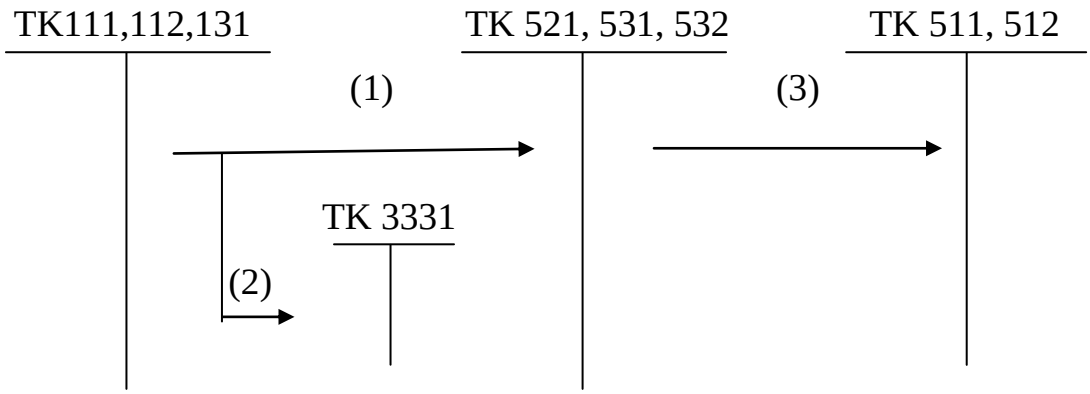

Ghi chú:

(1) Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán(tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

(2) Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán(tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

(3) Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu sang TK 511, 512 xác định doanh thu thuần.

1.3.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp(nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính
- Kết chuyển và phân bổ lãi tỷ giá hối đoái hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã đầu tư hoạt động tài chính.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

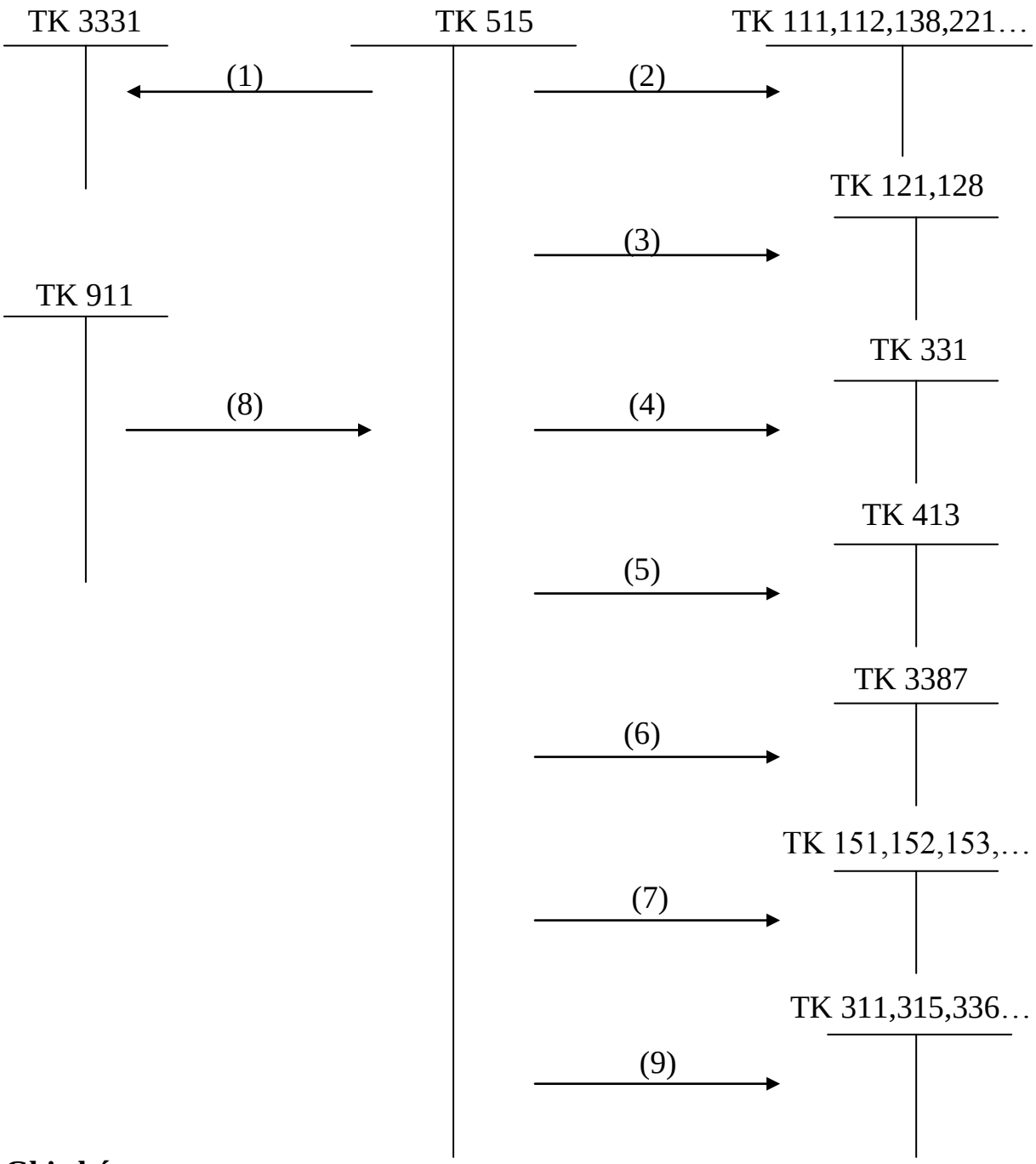

Ghi chú:

(1) Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp với hoạt động tài chính(nếu có)

(2) Doanh thu cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động góp vốn đầu tư, lãi tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu,…

(3) Cổ tức và lợi nhuận được chia để bổ sung vốn góp

(4) Chiết khấu thanh toán được hưởng

(5) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

(6) Phân bổ lãi tỷ giá hối đoái

(7) Lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư bằng ngoại tệ

(8) K/C doanh thu tài chính

(9) Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ.

1.3.3 Kế toán thu nhập khác

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Là tài khoản phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài khoản hoạt động doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

❖ Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong doanh nghiệp.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán thu nhập khác

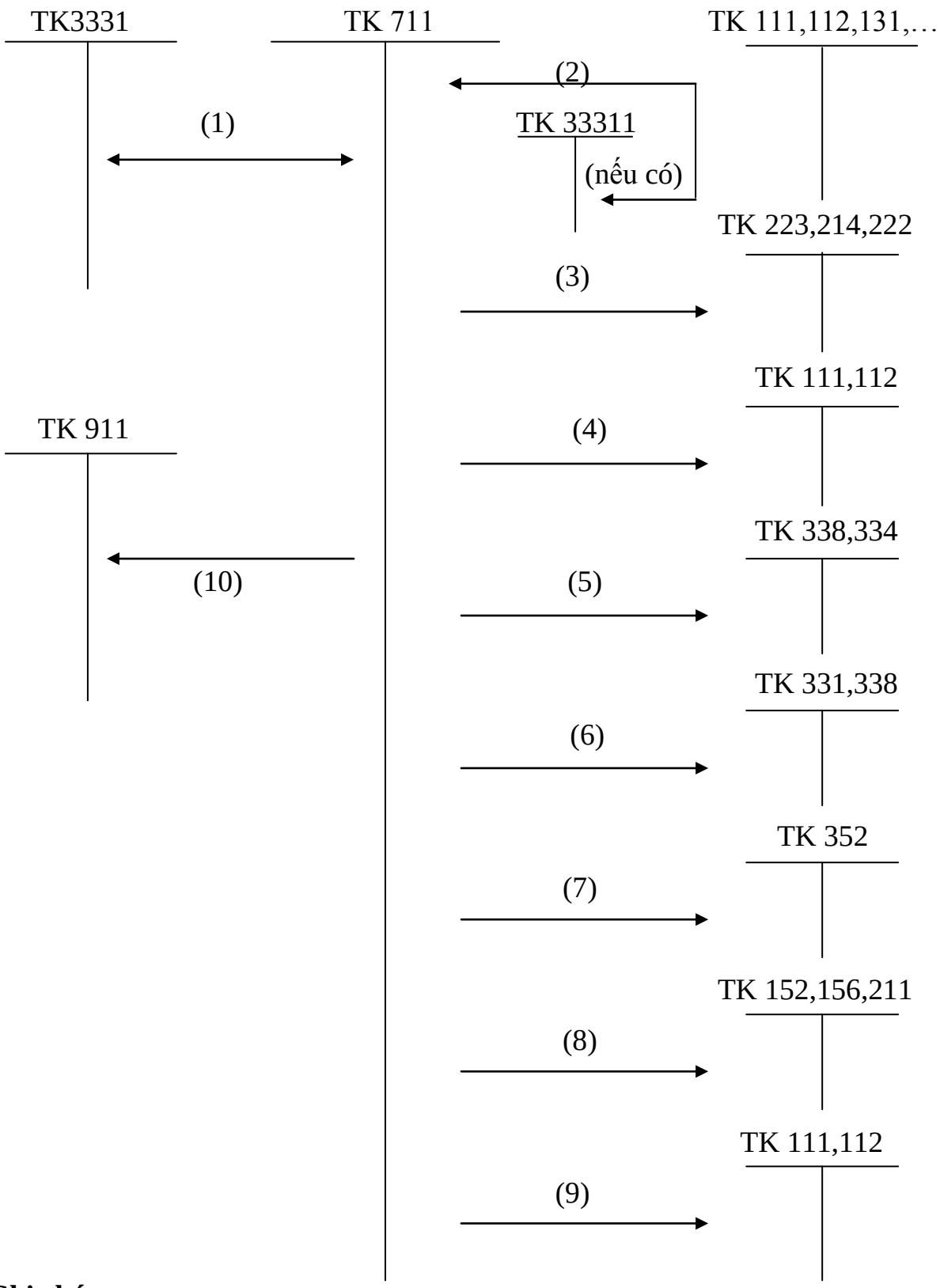

Ghi chú:

(1) Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số thu nhập khác

(2) Thu về nhượng bán thanh lý TSCĐ

(3) Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ

(4) Khi thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ, thu tiền bảo hiểm công ty bảo hiểm bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,…

(5) Tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ

(6) Khoản nợ không xác định được doanh nghiệp quyết định xoá ghi vào thu nhập khác

(7) Khi hết thời hạn bảo hành, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp lớn hơn chi phí thực tế phát sinh phải hoàn nhập

(8) Được tài trợ, biếu tặng vật tư hàng hoá TSCĐ

(9) Các khoản hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB được tính vào thu nhập khác

(10) Kết chuyển thu nhập khác.

1.3.4 Kế toán giá vốn hàng bán

a) Phương pháp xác định giá vốn hàng bán xuất bán

Có 4 phương pháp xác định:

- Phương pháp tính theo giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

+ Phương pháp tính theo giá đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho thành phẩm thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn của thành phẩm xuất kho. Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại thành phẩm ít và nhận diện được từng lô hàng.

+ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá thành phẩm xuất kho} = \text{Số lượng thành phẩm xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Trị giá thực tế thành phẩm tồn ĐK} + \text{Trị giá vốn thực tế thành phẩm nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm tồn ĐK} + \text{Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ}}$$

_ Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại thành phẩm.

_ Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của thành phẩm vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, nếu số hàng nào nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước sẽ xuất đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc giá cả có xu hướng giảm.

+ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định những hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên ngược lại với phương pháp nhập trước xuất trước. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

Ngoài bốn phương pháp trên doanh nghiệp có thể sử dụng giá bình quân kỳ trước để tính trị giá hàng bán.

Trong một thị trường ổn định, nếu giá cả không thay đổi từ kỳ này sang kỳ khác thì các phương pháp trên cho cùng một kết quả. Do đó việc doanh nghiệp lựa chọn phương pháp nào không quan trọng lắm. Nhưng nếu thị trường không ổn định, giá cả lên xuống thất thường thì các phương pháp này lại cho kết quả khác nhau và sẽ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp cần phải cân nhắc kỹ khi lựa chọn phương pháp tính trị giá hàng

bán. Phương pháp tính trị giá hàng bán phải thực hiện công khai trong bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời theo nguyên tắc nhất quán, phương pháp đó phải sử dụng thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác. Nhờ đó có thể kiểm tra, đánh giá kết quả kinh doanh được chính xác.

b) Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

c) Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hoạt động bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

❖ Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa xử lý hết).

❖ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa xuất bán vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng tài khoản khác liên quan như: TK 155, 156, 611, 631(đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê đinh kỳ).

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp sản xuất

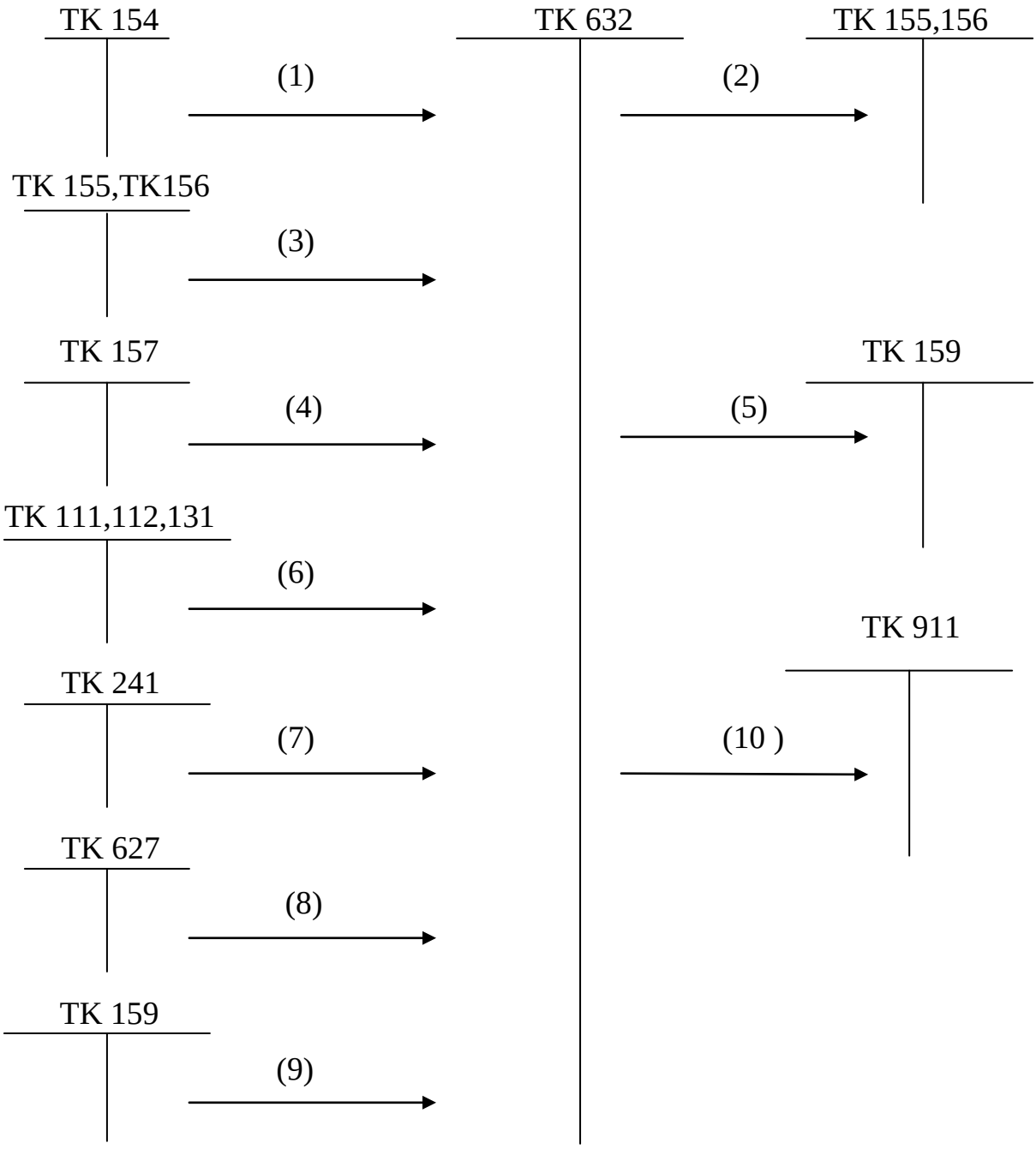

Ghi chú:

(1) Trị giá hàng bán xuất thẳng không qua kho

(2) Trị giá hàng bán bị trả lại

(3) Trị giá thực tế hàng xuất bán

(4) Giá vốn thực tế hàng gửi bán

(5) Hoàn nhập dự phòng

(6) Chi phí mua hàng xuất bán

(7) Chi phí đầu tư XDCB vượt quá định mức

(8) Chi phí sản xuất chung không được phân bổ vào giá thành

(9) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(10) Kết chuyển giá vốn hàng bán.

1.3.5 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL, CCDC
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng:

Là TK phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

❖ Bên nợ:

- Các phát sinh có liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

❖ Bên có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

TK 641 không có số dư cuối kỳ, TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- 6411:Chi phí nhân viên
- 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6415: Chi phí bảo hành
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là TK phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

❖ Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc.

❖ Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp hai:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu, bao bì
- 6423: Chi phí đồ dùng văn bản
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí và lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ ngoài
- 6428: Chi phí bằng tiền khác.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6a: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng

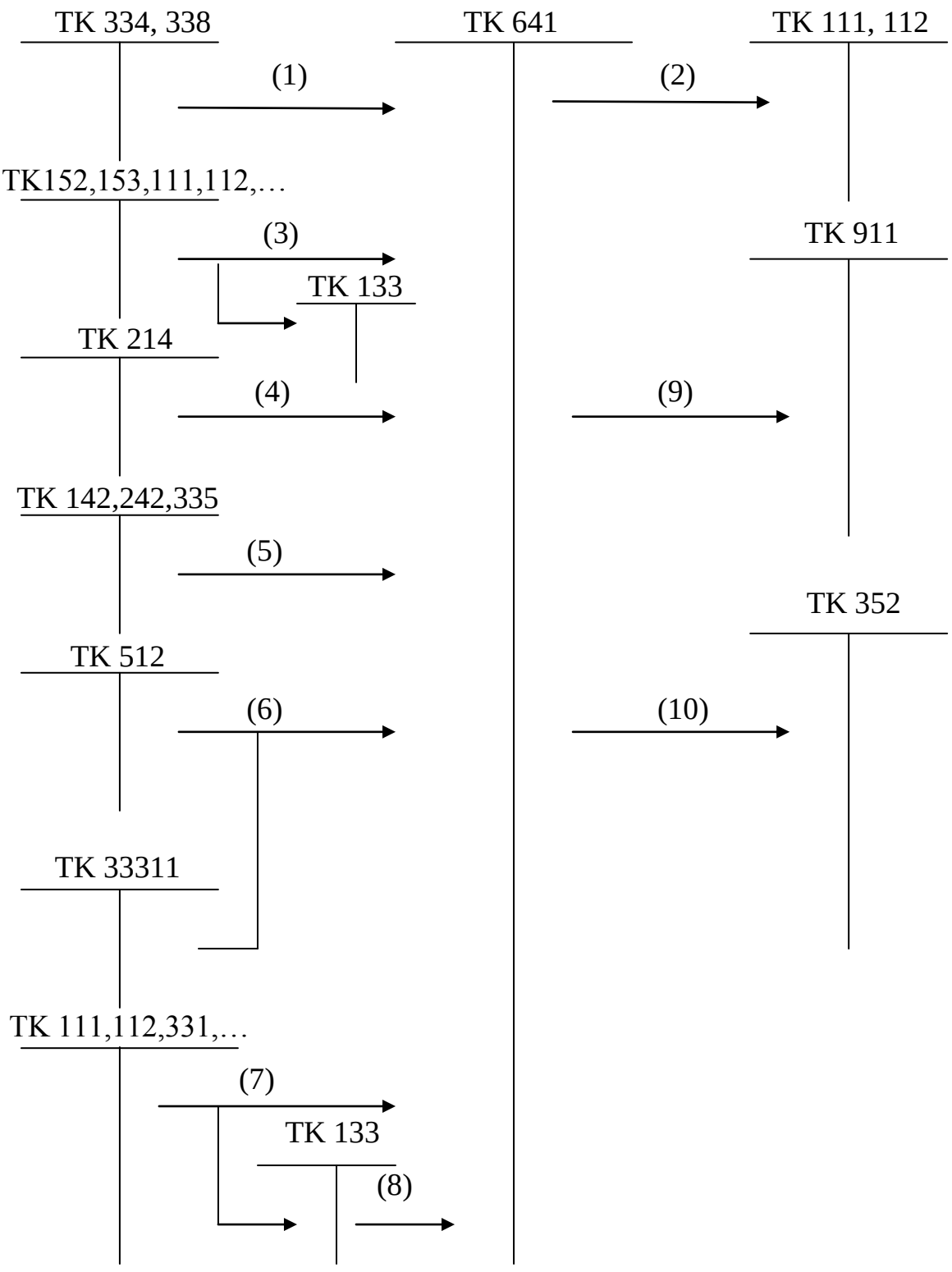

Ghi chú:

(1) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương

(2) Các khoản thu giảm chi

(3) Chi phí vật liệu công cụ

(4) Chi phí khấu hao TSCĐ

(5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(6) Thành phẩm, hàng hoá tiêu dùng nội bộ

(7) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

(8) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí bán hàng

(9) K/C chi phí bán hàng

(10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

Sơ đồ 1.6b: Trình tự hạch toán chi phí QLDN

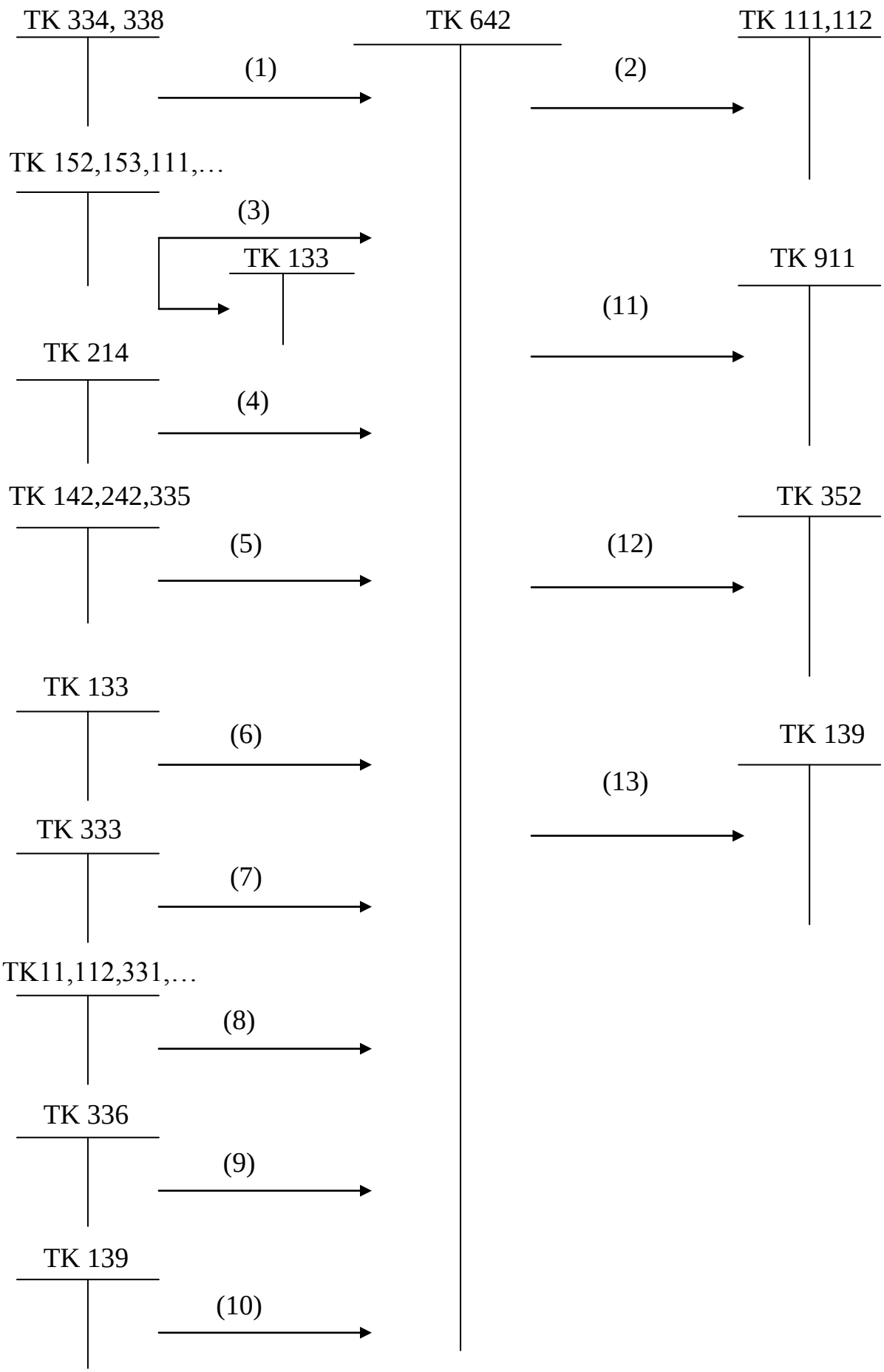

Ghi chú:

(1) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp tiền ăn ca và các khoản trích theo lương

(2) Các khoản thu giảm chi

(3) Chi phí vật liệu, công cụ

(4) Chi phí khấu hao TSCĐ

(5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(6) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí quản lý

(7) Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp ngân sách

(8) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

(9) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cấp trên theo quy định

(10) Dự phòng phải thu khó đòi

(11) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

(12) Hoàn nhập dự phòng phải trả

(13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay.

1.3.6 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Là TK phản ánh những khoản chi của hoạt động TC.

❖ Bên nợ:

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.

❖ Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính

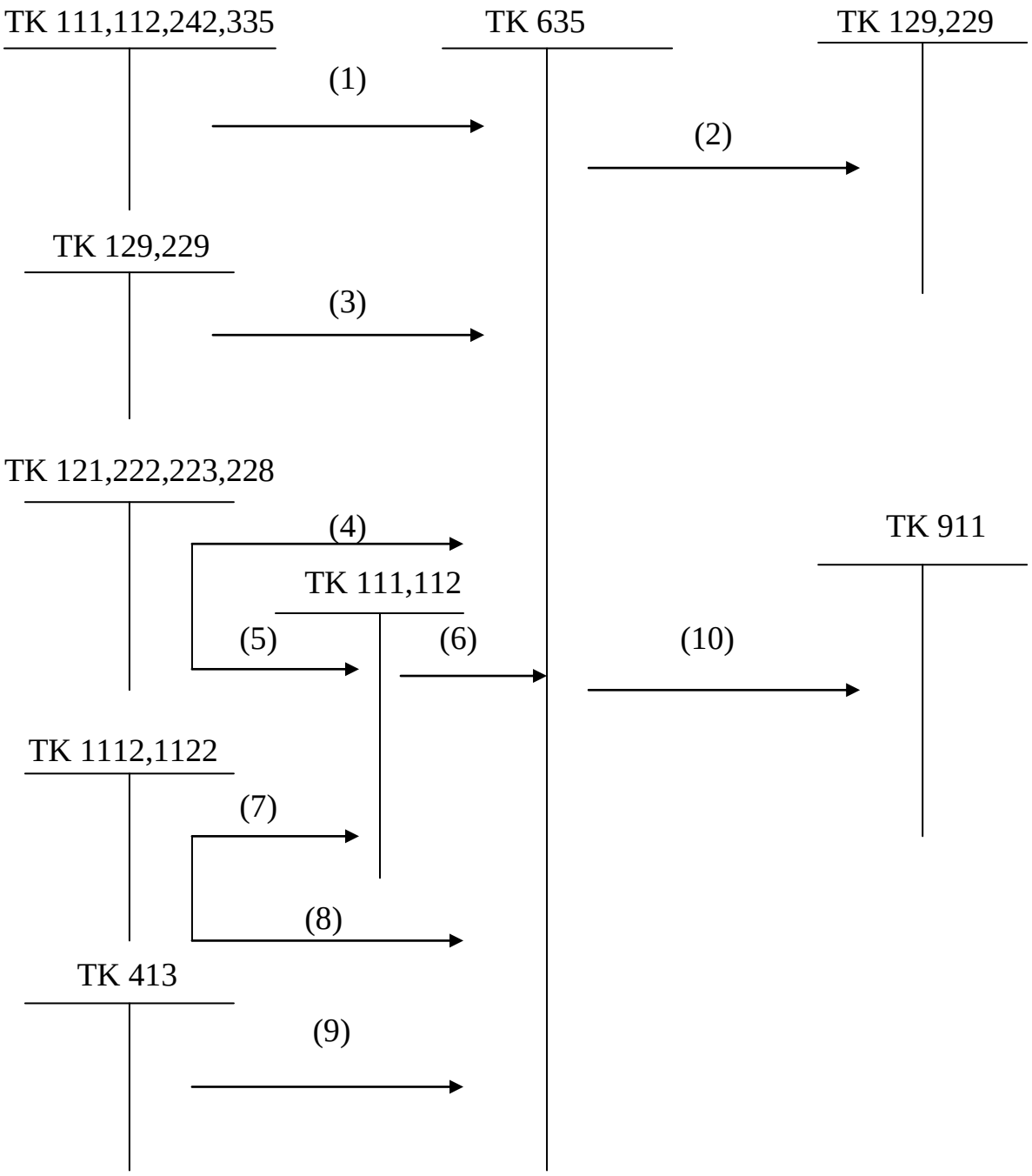

Ghi chú:

(1) Trả lãi tiền vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp.

(2) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư

(3) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(4) Lỗ về các khoản đầu tư

(5) Tiền thu về bán các khoản đầu tư

(6) Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết

(7) Bán ngoại tệ

(8) Lỗ về bán ngoại tệ

(9) Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ

(10) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.

1.3.7 Kế toán chi phí khác

a) Chứng từ sử dụng:

- Biên bản đánh giá lại vật tư hàng hoá, biên bản phạt vi phạm hợp đồng, biên bản góp vốn liên doanh,…

- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Là TK phản ánh những khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

❖ Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

c)Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán chi phí khác

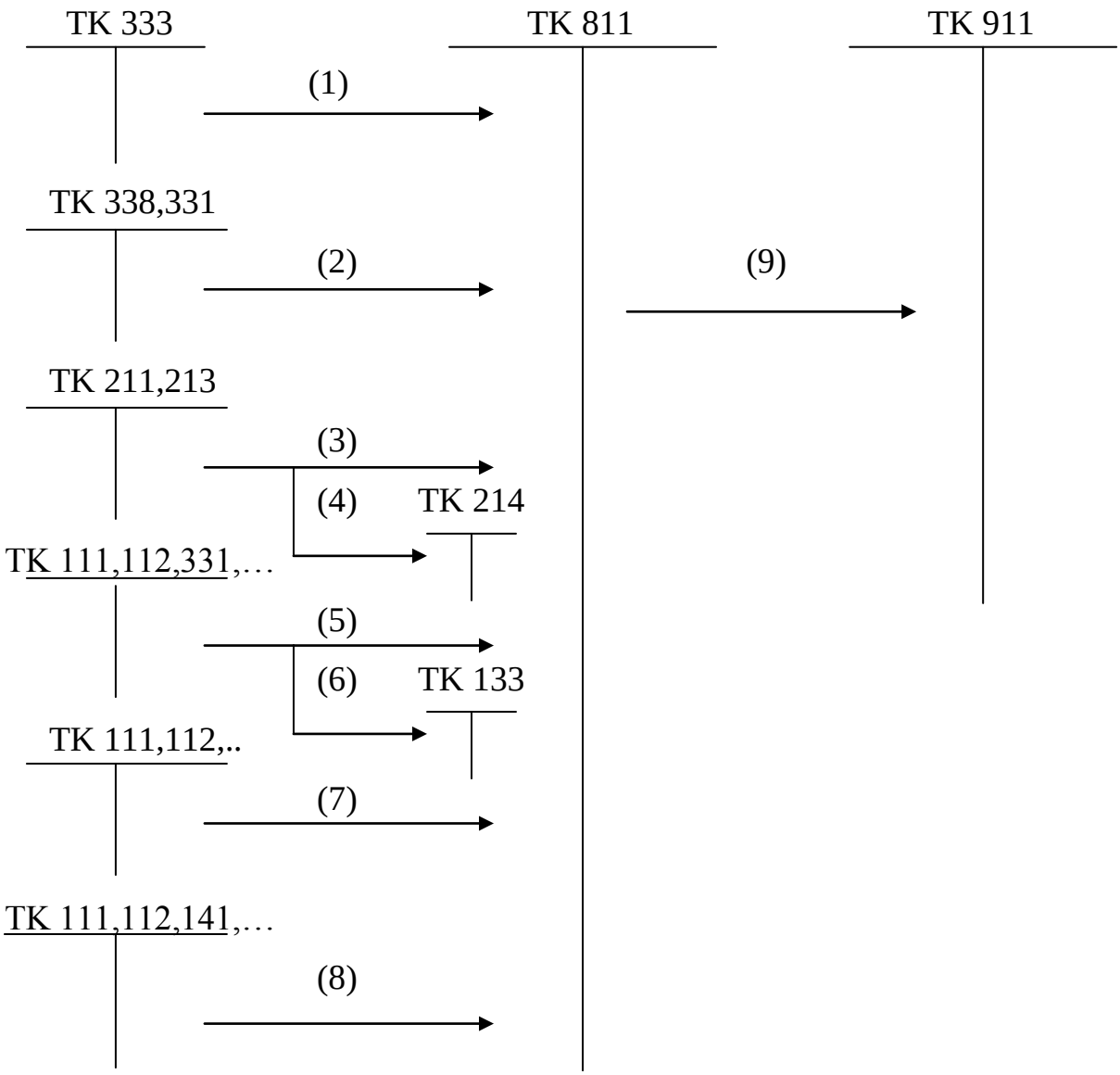

Ghi chú:

(1) Các khoản tiền phạt tiền thuế, truy nộp thuế

(2) Tiền phạt vi phạm hợp đồng

(3) Ghi giảm TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD khi thanh lý nhượng bán

(4) Giá trị hao mòn

(5) Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ

(6) Thuế GTGT

(7) Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm pháp luật

(8) Các khoản chi phí khác phát sinh, như chi phi khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.

(9) K/C chi phí khác phát sinh trong kì.

1.3.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng:

Là TK dùng để xác định và phản ánh kết qủa kinh doanh, các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

❖ Bên nợ:

- Trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, Chi phí thuế TNDN và các chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

❖ Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa , bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán quá trình xác định kết quả kinh doanh

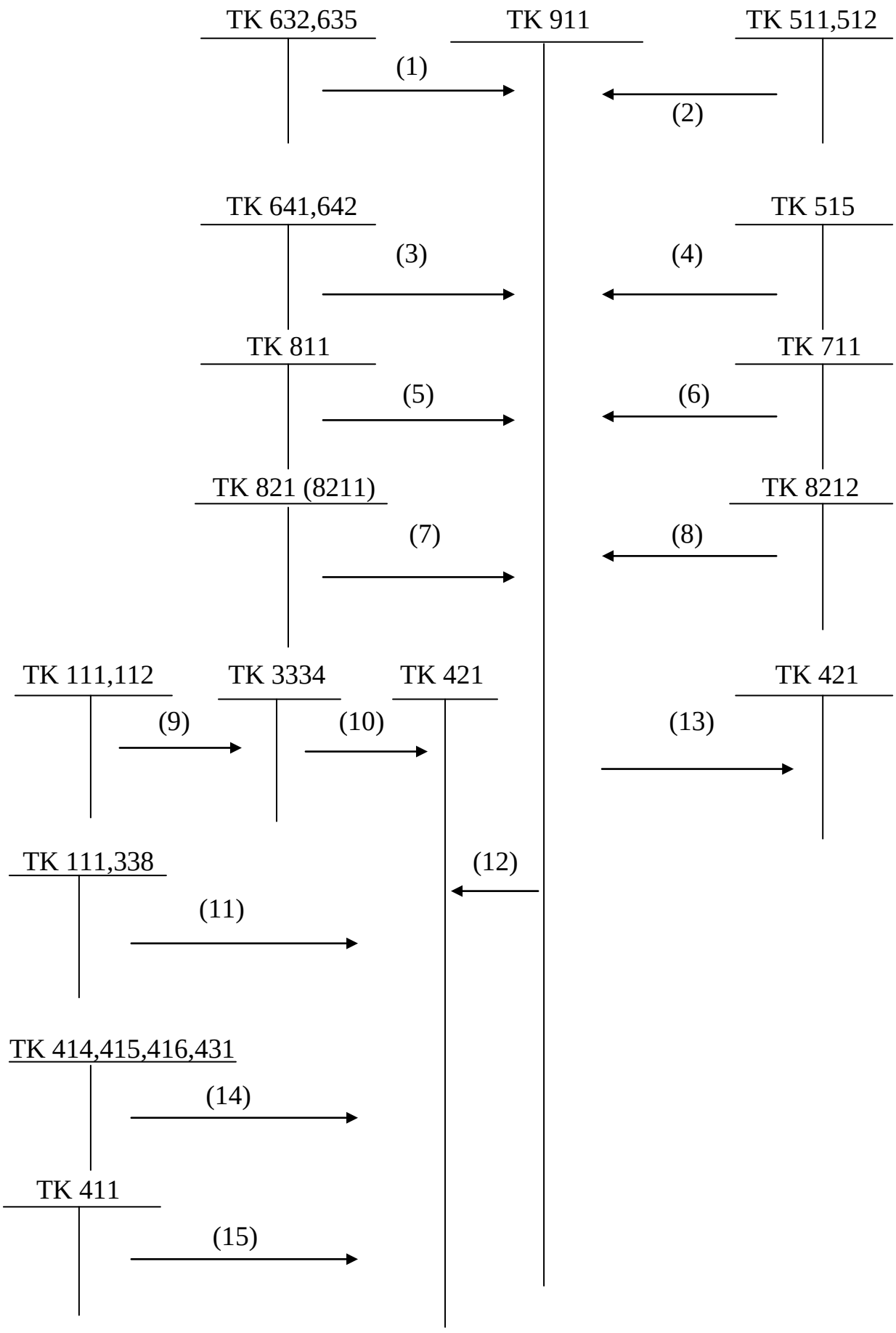

Ghi chú:

(1) K/C giá vốn, chi phí hoạt động tài chính

(2) K/C doanh thu

(3) K/C chi phí quản lý, chi phí bán hàng

(4) K/C doanh thu hoạt động tài chính

(5) K/C chi phí khác

(6) K/C thu nhập khác

(7) K/C thuế TNDN hiện hành

(8) K/C số phát sinh có lớn hơn số phát sinh nợ TK 8212

(9) Nộp thuế TNDN

(10) Số thuế TNDN phải nộp

(11) Chia lãi cho liên doanh

(12) K/C lãi hoạt động kinh doanh

(13) K/C lỗ hoạt động kinh doanh

(14) Trích lập các quỹ

(15) Trích bổ sung vốn kinh doanh.

CHƯƠNG 2:

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT MINH KHANG.

2.1 Khái quát về Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.

Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh khang được thành lập ngày 21 tháng 07 năm 2004 theo hình thức công ty cổ phần với:

- Tên công ty : Cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.
- Tên viết tắt : MK CHEM
- Tên tiếng anh : Minh Khang Chemical Trading Joint Stock Company
- Địa chỉ : Số 1/69/313 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.759.446
- Fax : 0313.512.437
- Mã số thuế : 0200607722
- Vốn điều lệ : 950.000.000 đồng(Do hai thành viên góp vốn)
  + Phạm Hùng Thắng: 640.000.000 đồng
  + Mai Văn Hưng : 310.000.000 đồng

Công ty được cấp giấy phép kinh doanh theo số 0213000948 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại của Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang.

❖ **Đặc điểm:**

Ngành nghề sản xuất chính của công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang là hóa chất và sản phẩm hóa chất(hạt nhựa, ống sun điều hòa...)

Ngoài ra, Công ty còn có dự định kinh doanh một số lĩnh vực khác như:

- Kinh doanh hóa chất thông thường và các loại sản phẩm vật tư ngành nhựa.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận vận chuyển thủy bộ.

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất, phụ gia, sản phẩm nhựa và bao bì.

- Kinh doanh kho bãi, văn phòng cho thuê, cửa hàng cho thuê.

- Các thiết bị điện, phương tiện ôtô, xe máy, máy móc sản xuất sản phẩm ngành hóa chất nhựa, vật tư.

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự lớn mạnh của Công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời đảm báo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có chiến lược phát triển rõ ràng, mà công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu uy tín.

❖ Quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất hạt nhựa nhân tạo:

Nhựa APP được đưa vào cắt, cắt thành từng miếng dầy 3mm. Sau đó, được pha trộn với tỷ lệ 3kg APP, 3kg hạt nhựa, axit, kẽm wat. Cho vào 200kg bột đá. Tất cả được đưa vào máy trộn, trộn đều trong trong khoảng 20 phút. Sau đó lấy ra được chuyển vào phễu. Tại đây nhiệt độ cao hỗn hợp nóng chảy tạo thành những sợi dài đến băng tải. Tỷ lệ APP, nhựa nhiều hay ít cho ra MK 100, MK 75, MK 66.

Máy tạo hạt nhựa qua hệ thống băng tải được quạt gió làm mát đến máy cắt, máy cắt các hạt nhựa được cắt nhỏ và được chạy vào khay đến máy đóng bao, máy đóng bao sẽ mặc định đóng mỗi bao có trọng lượng là 25kg.

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất hạt nhựa

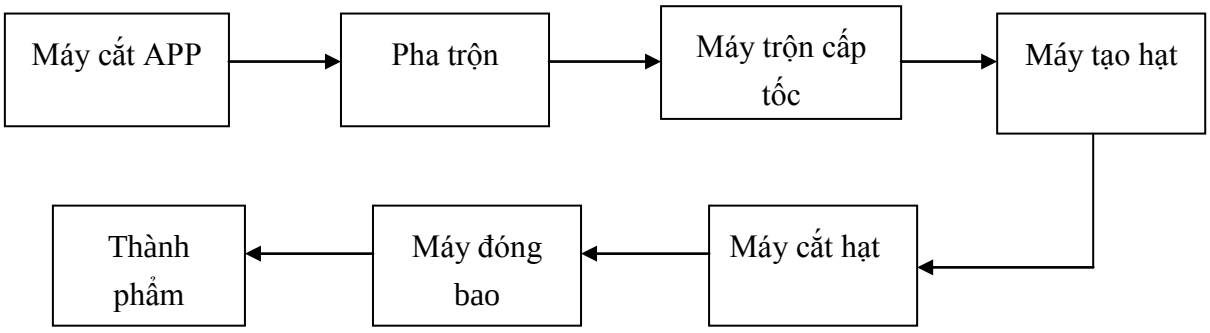

Quy trình sản xuất ống nhựa điều hòa:

Nhựa đưa vào phễu qua vít xoắn với nhiệt độ cao. Hạt nhựa được nghiền

nhuyễn qua vòi phun áp lực nhựa được phun vào khuôn, chân không sẽ hút tạo thành ống qua hệ thống làm mát cho ra ống, qua máy cuộn và đóng gói sản phẩm được hoàn thành. Kích thước ống là do kích thước khuôn cho ra nhiều loại ống.

❖ **Thuận lợi:**

Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý, đội ngũ lao động có trình độ có tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

Quan tâm, chú trọng đầu tư máy móc hiện đại, trang thiết bị thích hợp tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh được thuận lợi.

Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao. Được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm. Khả năng mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh là rất lớn.

Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy quản lý đơn giản, gọn nhẹ giúp cho công tác quản lý dễ dàng thuận tiện.

Nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài dồi dào, đáp ứng kịp thời và đầy đủ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Do nhập khẩu được dây chuyền sản xuất hiện đại, phù hợp với quy trình sản xuất nên sản phẩm sản xuất ra luôn đáp ứng được yêu cầu của công ty cũng như bạn hàng trong và ngoài nước.

❖ **Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi đã đạt được, công ty còn gặp phải những khó khăn trước mắt và lâu dài.

Để hoạt động được diễn ra liên tục, công ty cần một lượng vốn lớn nhằm đáp ứng nhu cầu của công ty. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nền kinh tế công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ các nguồn khác nhau.

Có những đối thủ cạnh tranh cực kì gay gắt trên thị trường và phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ.

Công ty hình thành trên địa bàn có điều kiện giao thông không thuận lợi

nên có nhiều trở ngại trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Sự biến động của giá cả vật tư, nguyên vật liệu làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí bỏ ra của Công ty.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty

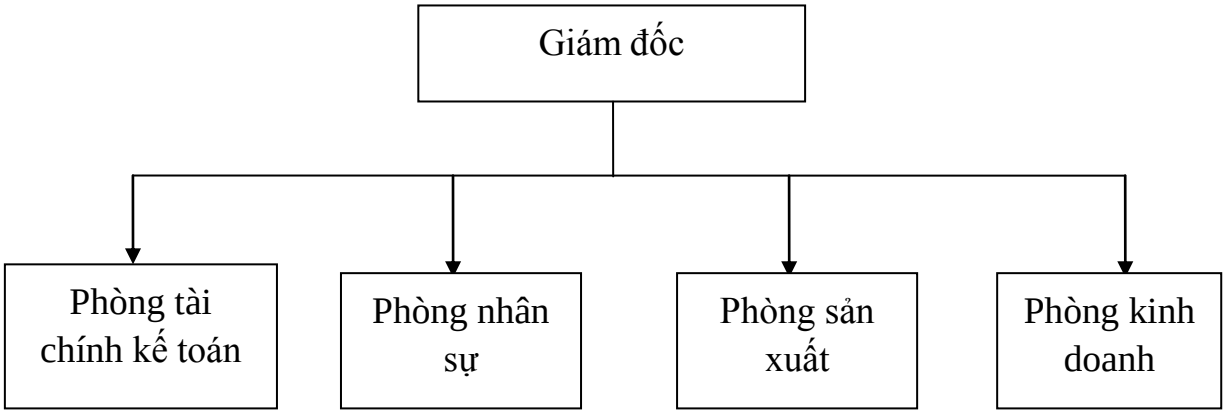

Giám đốc công ty:

+ Là người đại diện trước pháp luật đối với toàn hoạt động sản xuất và đối với cán bộ công nhân viên của công ty, tổ chức lãnh đạo chung cho toàn công ty.

+ Là người phụ trách mọi công việc chung, giám sát, điều hành toàn bộ hoạt động của công ty thông qua các phòng ban.

Phòng tài chính kế toán:

+ Là phòng tham mưu về quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kế toán trong công ty. Quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán tài chính theo đúng quy định về chế độ tài chính kế toán của nhà nước ban hành.

+ Tổng hợp số liệu, báo cáo tình hình tài chính; tình hình sử dụng nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, xác định kết quả kinh doanh…để cung cấp chính xác quá trình hoạt động của công ty cho các đối tượng khi cần.

Phòng nhân sự:

+ Tổ chức phân công lao động hợp lý, quản lý giờ làm việc của người lao động. Tổ chức tuyển mới lao động khi cần.

+ Chịu trách nhiệm triển khai, giải quyết các chế độ chính sách của nhà nước, nội quy của Công ty đối với người lao động.

Phòng sản xuất:

+ Có nhiệm vụ hướng dẫn, đôn đốc công nhân làm việc theo đúng quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng, quy cách hàng hóa và kịp thời gian giao hàng.

Phòng kinh doanh:

+ Có nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý các đơn đặt hàng, các hợp đồng kinh tế để trình Giám đốc duyệt. Tổ chức các phương tiện chở hàng, các thủ tục với hải quan cho các chuyến hàng xuất nhập khẩu...

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và sổ sách kế toán tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh khang.

❖ **Hình thức tổ chức kế toán tại Công ty.**

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo loại hình tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại phòng kế toán.

Chứng từ kế toán sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý và gửi về phòng kế toán sẽ được tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán của đơn vị.

Bộ máy kế toán của Công ty gồm 3 người: Kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ. Nhân viên phòng kế toán bao gồm:

Kế toán trưởng : Trần Thị Bình Minh.

Kế toán viên : Nguyễn Thị Quỳnh.

Thủ quỹ : Đoàn Thị Lợi.

Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

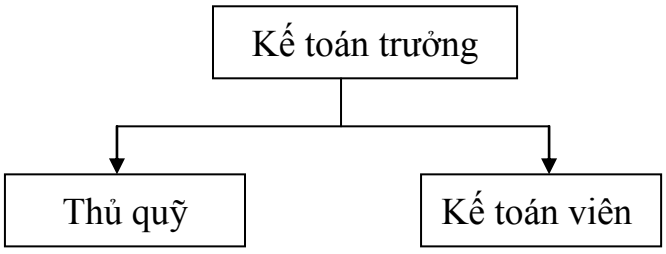

Nhiệm vụ của từng thành viên:

Kế toán trưởng:

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại công ty, lập báo cáo tài chính và phân tích tài chính chi tiết cho giám đốc, lập hồ sơ quyết toán thuế năm, làm việc với các bên có liên quan.

Kế toán viên:

Có nhiệm vụ cập nhật các chứng từ chi tiết có liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh(tiền lương, TSCĐ, nguyên vật liệu, giá thành, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...) phản ánh tình hình hiện có và các biến động tăng giảm trong kì của các nghiệp vụ kế toán trong công ty.

Thủ quỹ:

Có trách nhiệm quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, chế độ.

❖ **Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty.**

*** Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:**

- Chế độ kế toán Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang áp dụng là chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng theo phương pháp khấu trừ. Số thuế phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Trong đó:

- Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế của hàng hóa dịch vụ * thuế suất.

- Thuế GTGT đầu vào = Tổng số thuế GTGT được thanh toán ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào.

*** Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán:**

Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được sắp xếp, ghi chép kịp thời khi có nghiệp vụ phát sinh. Để phù hợp với chế độ kế toán nhà nước, vào quy mô, đặc

điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung " hình thức này bao gồm các sổ sách kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết…

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

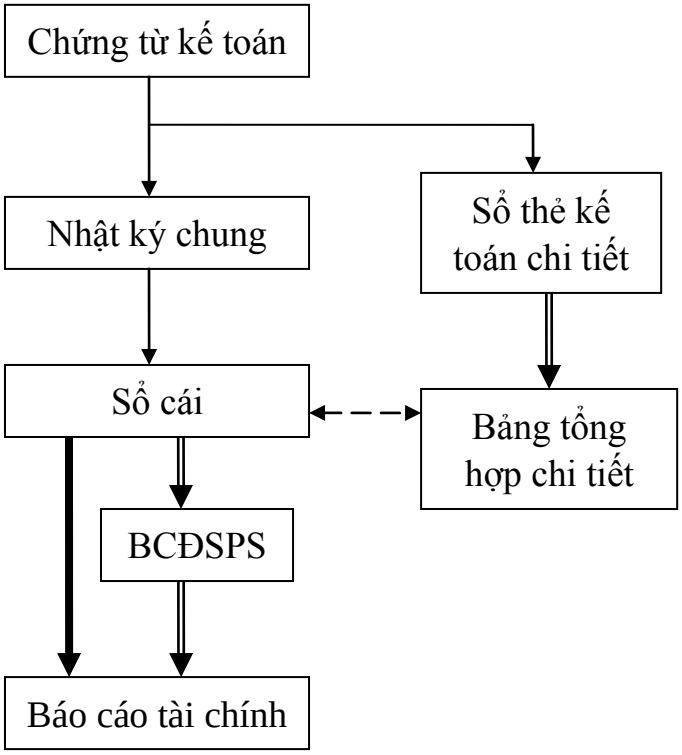

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Ghi cuối tháng

Ghi cuối năm

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết...

*** Hệ thống báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi quý, kế toán tiến hành lập các báo cáo tài chính bao gồm:

+ Bảng cân đối kế toán

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Thuyết minh báo cáo tài chính

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Bảng cân đối kế toán: Kế toán trưởng lập bảng cân đối kế toán dựa trên cơ sở số liệu của các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và bảng tổng cân đối kế toán của năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh: Cuối năm, kế toán trưởng căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước, sổ kế toán trong kỳ dùng cho các tài khoản từ đầu 5 đến đầu 7 và TK 133, 331 để lập báo cáo kết quả kinh doanh của năm đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính: Kế toán trưởng căn cứ vào các sổ kế toán năm báo cáo, bảng cân đối kế toán năm báo cáo, báo cáo kết quả kinh doanh năm báo cáo, thuyết minh báo cáo tài chính của năm trước để lập thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ được căn cứ vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt kỳ này năm trước, các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết của kỳ báo cáo.

2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

2.2.1 Kế toán doanh thu tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Kế toán chi tiết bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Đặc điểm quá trình tiêu thụ hàng hóa tại công ty:

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và phân phối hàng hoá.

Phương thức bán hàng chủ yếu:

- Bán cho đại lý
- Bán lẻ tại cửa hàng giới thiệu sản phẩm
- Bán cho người mua theo hợp đồng.

b) Chứng từ tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 111: Tiền mặt...

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Hoá đơn giá trị gia tăng

+ Phiếu xuất kho

+ Các chứng từ khác có liên quan

+ Sổ chi tiết TK 511

+ Sổ cái TK 111, 112, 131, 156, 3331, 511, 632, 911…

c) Phương pháp hạch toán:

Căn cứ vào đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán ghi hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT gồm 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu gốc

+ Liên 2: Màu đỏ, giao cho khách hàng

+ Liên 3: Màu xanh, dùng để ghi sổ.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho để viết phiếu thu và làm căn cứ ghi sổ kế toán, các chứng từ kế toán.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu được mô tả theo sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu.

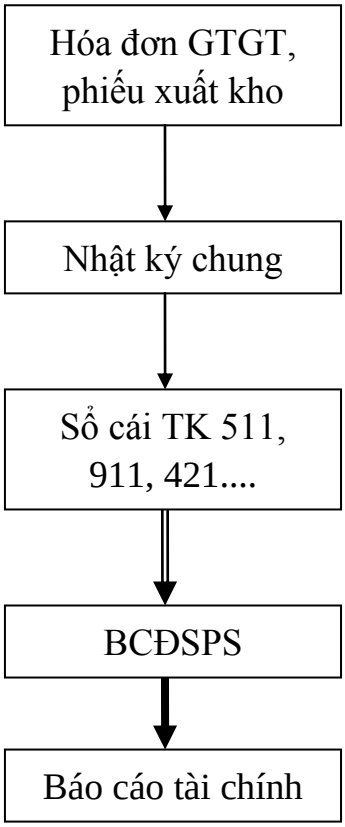

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Ghi cuối năm

Ví dụ:

Ngày 06/10/2010 xuất bán cho Công ty TNHH Minh Hải ống sun điều hòa loại PDPE ϕ 20 đơn giá: 70.000 đồng/cuộn/50m, loại HDPE ϕ 25 đơn giá: 80.000 đồng/cuộn/40m. Thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

=> Căn cứ vào HĐGTGT số 31802, phiếu xuất kho số 457, phiếu thu số 237 kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 511(biểu số 2.2) và các sổ sách có liên quan.

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 06 tháng 10 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT -3LL
NG/2010B
0031802

Đơn vị bán hàng: Cty CP thương mại hóa chất Minh Khang.....

Địa chỉ: Số 1/61/313 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP .....

Số tài khoản: .....

Điên thoại: .....0313.759.446.....MS: 0 2 0 0 6 0 7 7 2 2

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Minh Hải .....

Địa chỉ: Km 52 QL - Phường Bình Hàn - TP Hải Dương.....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: TM .....MS: 0 2 0 0 4 0 6 5 8 2

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Ống sun điều hòa ϕ 20	Cuộn	50	70.000	3.500.000
2	Ống sun điều hòa ϕ 25	Cuộn	150	80.000	12.000.000

Cộng tiền hàng:					**15.500.000**
Thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:				**1.550.000**
Tổng cộng tiền thanh toán					**17.050.000**
Số tiền viết bằng chữ: *Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng /.*					
Người mua hàng *(Ký,ghi rõ họ tên)*	**Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)*			

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang. Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 457

Ngày 06 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Mai

Địa chỉ (bộ phận) : Công ty TNHH Minh Hải

Lý do xuất kho : xuất bán

Xuất tại kho: ……

Stt	**Tên vật tư**	**Mã số**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**		**Đơn giá**	**Thành tiền**
				Yêu cầu	**Thực xuất**		
1	Ống sun điều hòa PDPE ϕ 20	3903190010	Cuộn	50	50	70.000	3.500.000
2	Ống sun điều hòa PDPE ϕ 25	3903190011	Cuộn	150	150	80.000	12.000.000
	Cộng						**15.500.000**

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./*

Xuất, ngày 06 tháng 10 năm 2010

Người lập	***Người nhận hàng***	***Thủ kho***	***Kế toán trưởng***	***Thủ trưởng***
(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang
Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà nẵng, NQ, HP

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 06 tháng 10 năm 2010 Số: 237

Nợ TK 111 : 17.050.000
Có TK 511 : 15.500.000
Có TK 3331 : 1.550.000

Họ tên người nộp tiền : Trần thị Bình Minh.

Địa chỉ: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang.

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng của công ty TNHH Minh Hải

Số tiền: 17.050.000 đ

Kèm theo ….HĐ31802…….. chứng từ kế toán……

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng./*

Ngày 06 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	***Kế toán trưởng***	***Người lập biểu***	***Thủ quỹ***
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): ……

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý): ……

+ Số tiền quy đổi:……

Đơn vị : Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang. Mẫu số: S03a-Dn

Địa chỉ : Số 1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
MH	Ngày	Số		Nợ	Có	
Phát sinh tháng 10						
PC	01/10/2010	230	Thanh toán tiền nâng hạ cước container	642	111	1.460.000
PC	01/10/2010	230	Thanh toán tiền nâng hạ cước container	133	111	146.000
PT	02/10/2010	232	Thanh lý TSCĐ đã thu bằng TM	111	711	13.500.000
PT	02/10/2010	232	Thanh lý TSCĐ đã thu bằng TM	111	3331	1.350.000
PXK	02/10/2010	453	Bán lẻ cho nhà hàng 386 Văn Cao đã thu tiền	632	156	4.467.375
PT	02/10/2010	233	Bán lẻ cho nhà hàng 386 Văn Cao đã thu tiền	111	511	5.956.500
PT	02/10/2010	233	Bán lẻ cho nhà hàng 386 Văn Cao đã thu tiền	111	3331	59.565
PXK	03/10/2010	454	Xuất hạt nhựa bán cho	632	156	198.000.000

			Công ty TNHH Hải Hà			
PXK	03/10/2010	454	Xuất hạt nhựa bán cho Công ty TNHH Hải Hà	131	511	132.000.000
PXK	03/10/2010	454	Xuất hạt nhựa bán cho Công ty TNHH Hải Hà	131,111	511	132.000.000
PXK	03/10/2010	454	Xuất hạt nhựa bán cho Công ty TNHH Hải Hà	131,111	3331	13.200.000
PC	04/10/2010	313	Thanh toán tiền tiếp khách	642	111	3.2464.000
PXK	06/10/2010	457	Xuất hàng bán đã thu tiền	632	156	8.718.750
PT	06/10/2010	237	Xuất hàng bán đã thu tiền	111	3331	1.550.000
PT	06/10/2010	237	Xuất hàng bán đã thu tiền	111	511	15.500.000
….	……..….	….	……	……...	....	……..
Cộng chuyển trang sau						**3.063.302.461**

Chứng từ			**Diễn giải**	**Số hiệu TK**		**Số tiền**
MH	**Ngày**	**Số**		**Nợ**	**Có**	
Số trang trước chuyển sang						**3.063.302.461**
HĐ	17/10//2010	31813	Cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại	521	131	4.900.000
HĐ	17/10//2010	31813	Cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại	3331	131	49.000
PC	21/10/2010	330	Thanh toán tiền điện	642	112	2.062.970
PC	21/10/2010	330	Thanh toán tiền điện	133	112	206.297
PC	30/10/2010	338	Thanh toán tiền thuê ngoài của cty TNHH Hà Anh	642	111	6.950.000
PC	30/10/2010	339	Thanh toán tiền mua giấy Cty TNHH Hải Hà	642	111	1.256.000
PC	30/10/2010	339	Thanh toán tiền mua giấy Cty TNHH Hải Hà	133	111	125.600
PC	31/10/2010	340	Thanh toán tiền lãi vay T10/2010	635	111	1.020.000
GBC	31/10/2010	197	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng T10/2010	112	515	250.000
…..	……	…….	…….	…….	…..	……..
PKT	31/10/2010	23	Kết chuyển thuế GTGT	3331	133	11.518.269
PKT	31/10/2010	20	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511	521	6.141.426
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển doanh thu bán	511	911	1.058.796.000

			hàng và cung cấp dịch vụ			
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	889.400
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	13.500.000
PKT	31/10/2010	21	Tập hợp chi phí sản xuất	154	621	1.412.243.500
PKT	31/10/2010	21	Tập hợp chi phí sản xuất	154	622	103.373.000
PKT	31/10/2010	21	Tập hợp chi phí sản xuất	154	627	352.440.500
PKT	31/10/2010	21	K/c chi phí SXKD dở dang sang giá vốn hàng bán	632	154	1.868.057.000
PKT	31/10/2010	22	K/C giá vốn hàng bán	911	632	847.015.200
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	1.863.300
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	135.316.800
Cộng chuyển trang sau						**9.298.493.249**

Chứng từ			**Diễn giải**	**Số hiệu TK**		**Số tiền**
MH	**Ngày**	**Số**		**Nợ**	**Có**	
Số trang trước chuyển sang						**9.298.493.249**
PKT	31/10/2010	22	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	22.240.775
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	22.240.775
PKT	31/10/2010	22	Kết chuyển lãi trong kinh doanh	911	421	66.722.325
Cộng phát sinh tháng 10						9.409.697.124

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)

Biểu số 2.1: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			.....			
02/10	PT232	02/10	Bán lẻ cho nhà hàng 386 Văn Cao đã thanh toán	111		5.956.500
03/10	PXK454	03/10	Xuất hạt nhựa bán cho Công ty TNHH Hải Hà	131 111		132.000.000 132.000.000
06/10	PXK457	06/10	Xuất hàng bán đã thu tiền	111		15.500.000
…	…	…	….....	.....	……	.....
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1.058.769.000	
			Cộng PS		**1.066.960.035**	**1.066.960.035**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ	*Kế toán trưởng*
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2: Sổ cái TK 511

- **Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ sổ cái TK 511 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán doanh thu bán hàng tháng 10 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.6: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

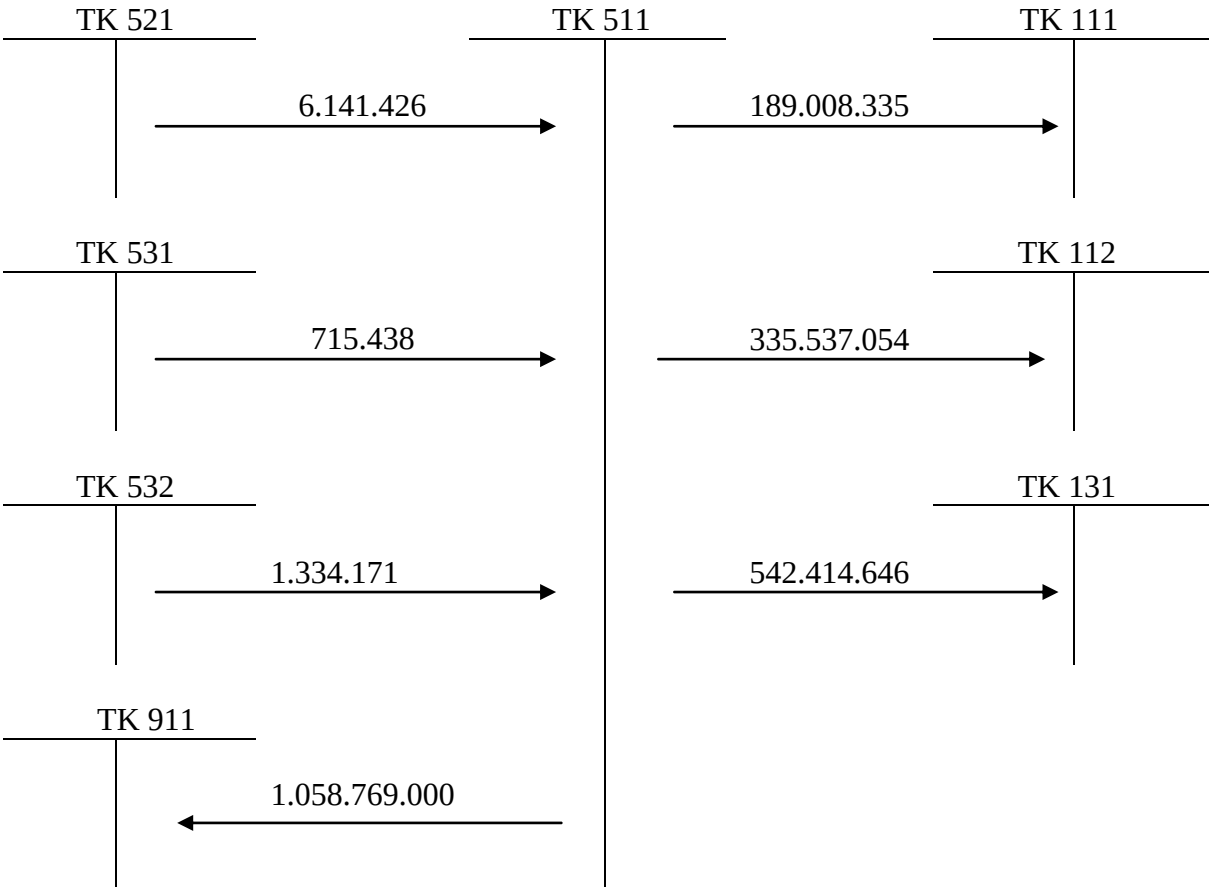

2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Kế toán chi tiết các khoảm giảm trừ doanh thu**

a) Đặc điểm kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Trong quá trình kiểm tra hàng hóa trước khi giao nhận vẫn còn tồn tại một số lượng hàng bán bị trả lại gây giảm trừ doanh thu. Lý do có thể là trong quá trình vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng, không đúng quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ.

Trong một số trường hợp những người mua vẫn chấp nhận thanh toán số hàng trên với điều kiện giảm giá bán. Mức giảm giá hàng bán sẽ theo thoả thuận của cả hai bên.

Công ty áp dụng khoản chiết khấu thương mại: Đây là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hoá rất hữu hiệu của công ty. Nghĩa là khách hàng sẽ được hưởng tỷ lệ phần trăm giảm trừ tương ứng với khối lượng mua theo quy định.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:
  + TK 521: Chiết khấu thương mại
  + TK 531: Hàng bán bị trả lại
  + TK 532: Giảm giá hàng bán.
- Chứng từ, sổ sách sử dụng:
  + Sổ nhật ký chung
  + Sổ cái TK 521, 531, 532, 511
  + Sổ sách chứng từ có liên quan khác.

c) Phương pháp hạch toán:

Từ các chứng từ liên quan, kế toán lập Sổ nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung sau đó vào Sổ cái TK 521, 531, 532. Kết chuyển sang TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ví dụ:

Ngày 17/10 Công ty TNHH Hải Hà mua hàng với số lượng lớn nên Công ty cho khách hàng hưởng khoản chiết khấu thương mại 1% trên tổng trị giá lô hàng là: 490.000.000 đồng và khách hàng đồng ý trừ vào khoản phải trả.

=> Căn cứ vào HĐ31813 và các chứng từ khác có liên quan đến khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp cho khách hàng hưởng, kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 521(biểu số 2.3) và các chứng từ khác có liên quan.

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 17 tháng 10 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT -3LL
NG/2010B
0031813

Đơn vị bán hàng: Cty CP thương mại hóa chất Minh Khang.....

Địa chỉ: Số 1/61/313 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP.....

Số tài khoản:.....

Điên thoại: .....0313.759.446.....MS: 0 2 0 0 6 0 7 7 2 2

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Hải Hà.....

Địa chỉ: Đà Nẵng, NQ, HP .....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: .....MS: 0 2 0 0 4 0 6 1 6 3

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Điều chỉnh giảm giá lô hàng ngày17/10/2010	Cuộn	6125	8.00	4.900.000
Cộng tiền hàng					**4.900.000**
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					**49.000**

Tổng cộng tiền thanh toán **4.949.000**		
Số tiền viết bằng chữ: *Bốn triệu chín trăm bốn chín nghìn đồng./*		
Người mua hàng *(Ký,ghi rõ họ tên)*	**Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)*

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDĐK			
			.....			
17/10	HĐ31813	17/10	Cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại	131		4.900.000
…	……	…	.....	.....	……	.....
23/10	HĐ31819	23/10	Do hàng sai quy cách Cty giảm giá hàng bán 5% trên tổng trị giá lô hàng	111		1.241.426
…..	……	…..	……	…..	.....	……
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	6.141.426	
			Cộng PS		**6.141.426**	**6.141.426**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ	*Kế toán trưởng*
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Sổ cái TK 521

- **Kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu**

Từ sổ cái TK 521 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu của công ty.

Sơ đồ 2.7: Kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại

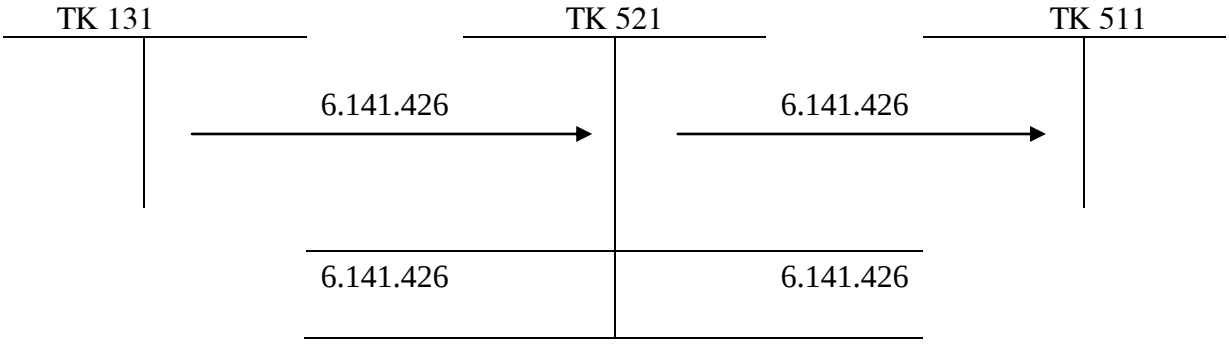

2.2.1.3 Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính

- **Kế toán chi tiết doanh thu từ hoạt động tài chính**

a) Đặc điểm kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính:

Về doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên khoản lãi tiền gửi ngân hàng của công ty.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 515: Doanh thu tài chính

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Giấy báo có, phiếu thu

+Các chứng từ khác có liên quan

+ Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515, 112...

c) Phương pháp hạch toán:

Căn cứ vào giấy báo có phát sinh nghiệp vụ lãi tiền gửi ngân hàng để hạch toán vào TK 515.

Quy trình hạch toán doanh thu từ hoạt động tài chính được thể hiên qua sơ đồ 2.8

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

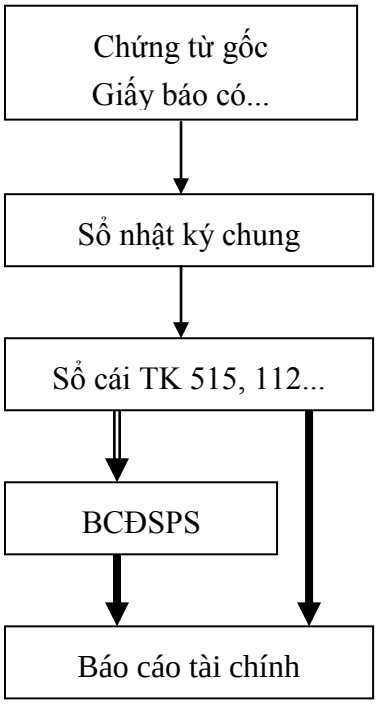

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⟹

Ghi cuối năm: ⟶

Ví dụ:

Ngày 31/10/2010 Công ty nhận được giấy báo có của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn HP về lãi tiền gửi không kỳ hạn số tiền là: 250.000 đồng.

=> Căn cứ vào giấy báo về lãi tiền gửi ngân hàng nông nghiệp và phát triển

nông thôn. Kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), Sổ cái TK 112(biểu số 2.4), sổ cái TK 515(biểu số 2.5) và các sổ sách có liên quan.

Ngân hàng No và PTNT Việt Nam

NHNoPTNT TP Hải Phòng

Mã số thuế cuả CN: 02001164741

(Liên 2: Trả khách hàng)

Giấy Báo

Tên khách hàng: Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế của KH: 0200607722

Thông báo với khách hàng chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách số tiền sau:

Diễn giải	**Biên lai lãi tiền gửi**			
A/C NO. (Số TK)	2100311000016	REF (Số BT)		
Chi tiết	Số tiền (VNĐ)	Ngày tháng		
Lãi nhập gốc	250.000	31/10/2010		
Tổng	**250.000**			

Người in Nguyễn Thị Minh Châu D: Nợ, C: Có Trang: 1/1

Khách hàng Thanh toán viên Trưởng Phòng

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			SDDK		**938.185.353**	
			.....			
07/10	PC316	07/10	Trả tiền mua hạt nhựa cho Cty CP vật tư hóa phụ gia	331		375.000.000
			……..			
14/10	GLT15	14/10	Rút TGNH nhập quỹ	111		146.000.000
14/10	PT245	14/10	Thu tiền hàng của công ty TNHH Sáng Mỹ	131	931.000.000	
.....	.....	.....	……	.....	.....	.....
31/10	GBC197	31/10	Thu tiền lãi từ Ngân hàng NN&PT nông thôn HP	515	250.000	
			Cộng PS		**1.224.155.809**	**855.747.685**
			SDCK		**1.306.593.477**	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 112

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			SDDK			
			.....			
31/10	GBC197	31/10	Thu tiền lãi từ ngân hàng NN&PT nông thôn HP	112		250.000
31/10	GBC237	31/10	Thu tiền lãi từ ngân hàng TMCP Hàng Hải	112		60.000
…….	……..	…….	…….....	……	……..……	…….……
31/10	PKT22	31/10	K/C doanh thu hoạt động tài chính	911	889.400	
			Cộng PS		889.400	889.400
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 515

- **Kế toán tổng hợp doanh thu từ hoạt động tài chính**

Từ sổ cái Tk 515 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tháng 10 năm 2010.

Sơ đồ 2.9 : Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính

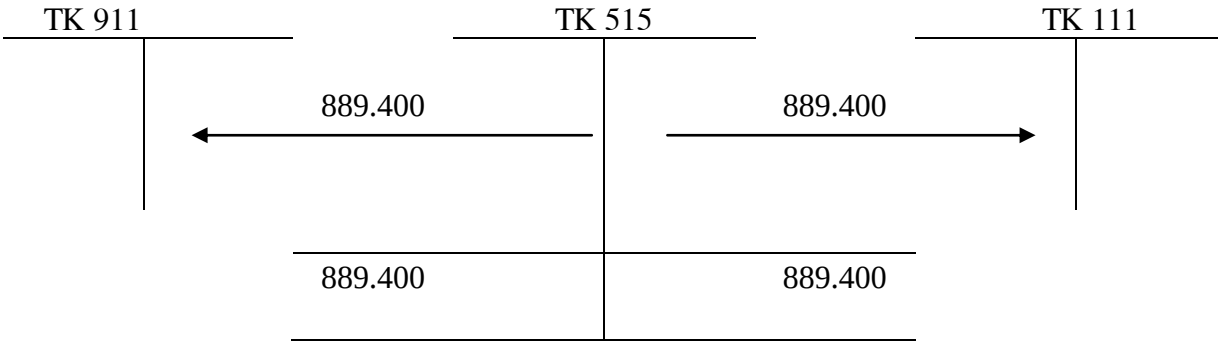

2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác

- **Kế toán chi tiết thu nhập khác**

a) Đặc điểm kế toán thu nhập khác:

Là khoản thu nhập phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác của doanh nghiệp chủ yếu là từ:

+ Thu nhập từ nhương bán, thanh lý TSCĐ

+ Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ

+ Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 711: Thu nhập khác

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu thu, phiếu chi

+ Biên bản giao nhận TSCĐ

+ Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Các chứng từ khác có liên quan

+ Sổ nhật ký chung

+Sổ cái TK 711, các sổ sách có liên quan.

c) Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ kế toán dự vào các chứng từ gốc để vào sổ sách có liên quan.

Quy trình hạch toán thu nhập khác được mô tả theo sơ đồ 2.10

Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác.

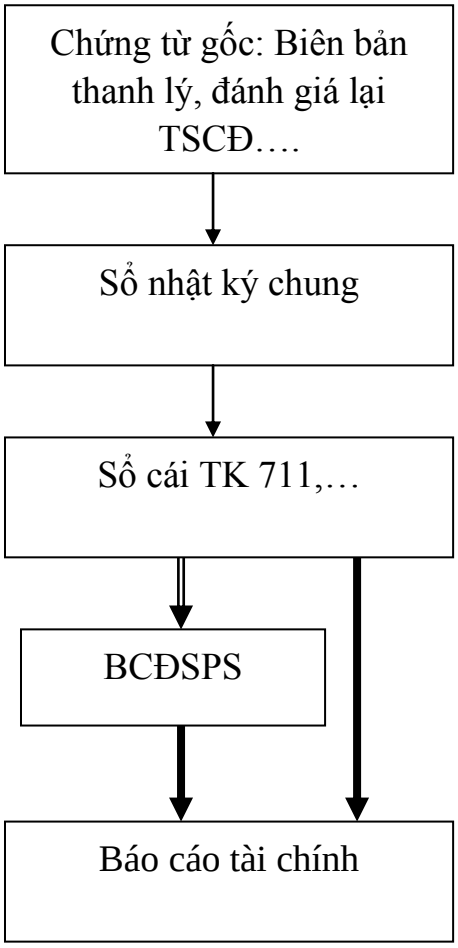

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Ghi cuối năm

Ví dụ:

Ngày 02/10 công ty tiến hành thanh lý máy phôtô RICOH. Nguyên giá 29.816.000đ, đã khấu hao 17.427.000đ. Giá bán tài sản cố định là: 13.500.000đ, thuế GTGT là 5%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

=> Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ, kế toán viết phiếu thu. Từ các chứng từ gốc, kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 711(biểu số 2.6). Cuối kỳ kết chuyển sang 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang	Mẫu số: 02-TSĐ
Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà nẵng, NQ, HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN

Ngày 02 tháng 10 năm 2010

Căn cứ vào Quyết định số: 01 ngày 02 tháng 10 năm 2010 của Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông(bà): Phạm Hùng Thắng. Chức Vụ: Giám đốc.
- Ông(bà): Nguyễn Văn Quân. Chức Vụ: Trưởng phòng kinh doanh
- Ông(bà): Trần thị Bình Minh. Chức Vụ: Kế toán trưởng

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách(cấp hạng) TSCĐ: Máy phôtô RICOH.
- Nước sản xuất(xâu dựng): Việt nam
- Năm sản xuất: 2003
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Nguyên giá TSCĐ: 29.816.000 đồng
- Giá trị hao mòn tính đến thời điểm thanh lý: 17.427.000 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 12.389.000 đồng

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

- Máy phôtô RICOH hoạt động bình thường.

Ngày 02 tháng 10 năm 2010
Trưởng ban thanh lý
(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:.....
- Giá trị thu hồi: 14.175.000đồng. Viết bằng chữ: *Mười bốn triệu một trăm bảy năm nghìn đồng.*
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 02 tháng 10 năm 2010

Ngày 02 tháng 10 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu**)**	**(** Ký, họ tên**)**

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang
Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà nẵng, NQ, HP

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 10 năm 2010 Số: 232

Nợ TK 111 : 14.175.000
Có TK 711 : 13.500.000
Có TK 3331 : 675.000

Họ tên người nộp tiền : Trần thị Bình Minh.

Địa chỉ: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang.

Lý do nộp: Thu tiền thanh lý tài sản cố định.

Số tiền: 14.175.000đ

Kèm theo …….. chứng từ kế toán……

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười bốn triệu một trăm bảy năm nghìn đồng./*

Ngày 02 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	***Kế toán trưởng***	***Người lập biểu***	***Thủ quỹ***
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): ……

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý): ……

+ Số tiền quy đổi: ……

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**SH TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	Số hiệu	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			SDDK			
			.....			

02/10	PT232	02/10	Thanh lý TSCĐ đã thu bằng tiền mặt	111		13.500.000
……	……	……	…….	……	…….	…….
31/10	PKT22	31/10	K/C chi phí tài chính để XĐKQKD	911	13.500.000	
			Cộng PS		**13.500.000**	**13.500.000**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Sổ cái TK 711

- **Kế toán tổng hợp thu nhập khác**

Từ sổ cái Tk 711 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán thu nhập khác tháng 10 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.11: Kế toán tổng hợp thu nhập khác

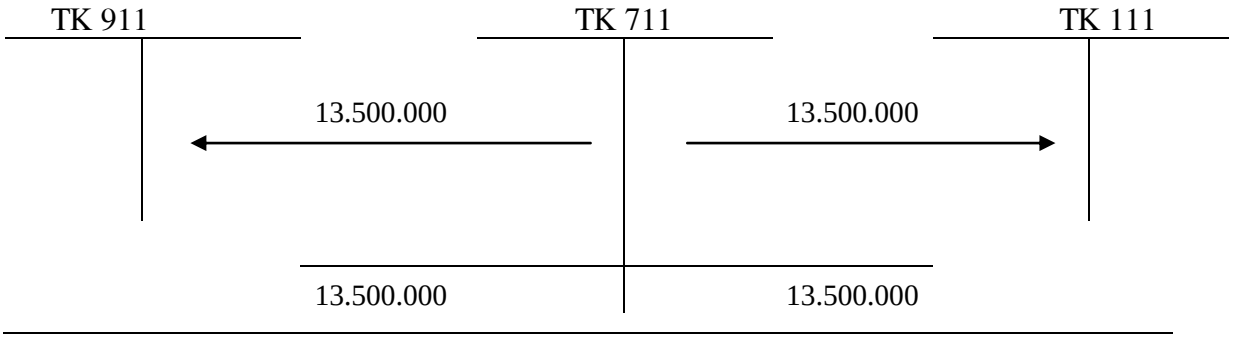

2.2.2 Kế toán chi phí tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

2.2.2.1 Kế toán giá vốn.

- **Kế toán chi tiết giá vốn**

a) Đặc điểm kế toán giá vốn:

Trị giá vốn hàng bán trong kì tại Công ty được tính theo *phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ.*

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ xuất hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu

+ Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán.

+ Liên 3: Giao cho khách hàng.

Căn cứ vào phiếu xuất kho phát sinh kế toán tập hợp vào Nhật ký chung và vào Sổ cái TK 632.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dung:

+ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

+ Tài khoản 156: Hàng hóa…

- Chứng từ, sổ sách sử dung:

+ Hoá đơn GTGT

+ Phiếu xuất kho

+ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 155, 156, 632

+ Các chứng từ khác có liên quan.

c) Phương pháp hạch toán:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho phát sinh kế toán tập hợp vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632.

Quy trình hạch toán giá vốn được mô tả theo sơ đồ 2.12

Sơ đồ 2.12: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn bán hàng

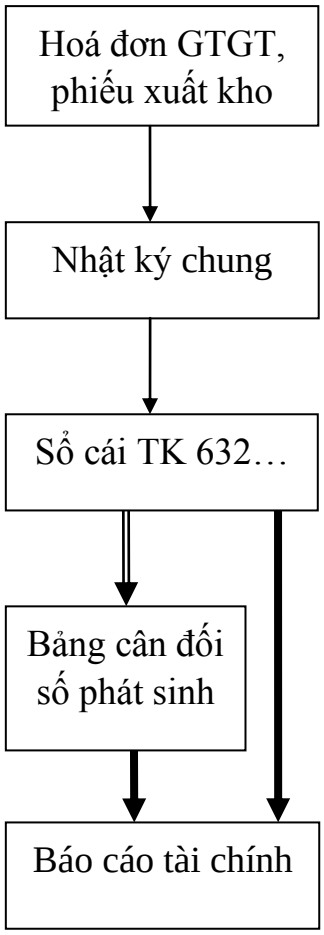

Ghi chú :

Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

Ghi cuối năm ➡

Ví dụ:

Ngày 06/10/2010 xuất bán cho Công ty TNHH Minh Hải ống sun điều hòa loại PDPE ϕ 20 đơn giá: 70.000 đồng/cuộn/50m, loại HDPE ϕ 25 đơn giá: 80.000 đồng/cuộn/40m. Thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

=> Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 632(biểu số 2.7), các chứng từ khác có liên quan.

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có

			SDĐK			
			.....			
02/10	PXK453	02/10	Bán lẻ cho nhà hàng 386 Văn Cao đã thanh toán bằng tiền	156	4.467.375	
03/10	PXK454	03/10	Xuất hạt nhựa bán cho Công ty TNHH Hải Hà	156	198.000.000	
06/10	PXK457	06/10	Xuất hàng bán đã thu tiền	156	8.718.750	
…	…	…	.....	.....	……	.....
31/10	Pkt22	31/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		842.015.200
			Cộng PS		**847.015.200**	**847.015.200**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 632

- **Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán**

Từ sổ cái Tk 632 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán giá vốn hàng bán tháng 10 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.13: Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

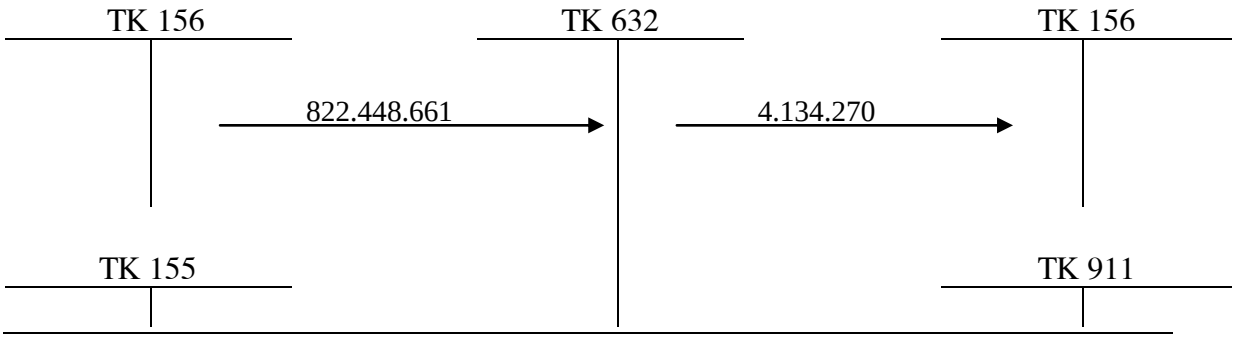

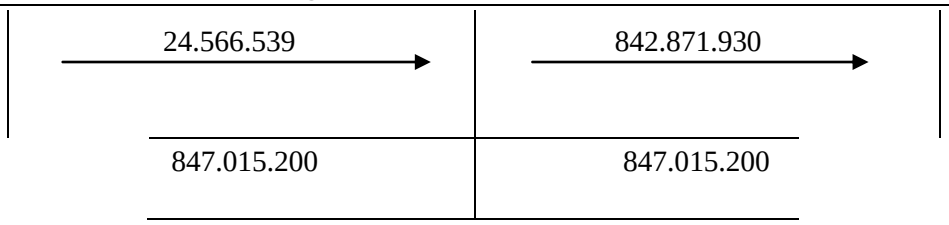

2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính.

- **Kế toán chi tiết chi phí tài chính**

a) Đặc điểm kế toán chi phí tài chính:

Chi phí tài chính chủ yếu được phản ánh trên khoản chi phi lãi vay từ tiền gửi ngân hàng của công ty.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 635: Chi phí tài chính

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Giấy báo nợ, phiếu chi

+ Các chứng từ khác có liên quan

+Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 515, 635.

c) Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính. Kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan để hạch toán vào sổ cái TK 635 và các sổ sách có liên quan.

Quy trình hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ 2.14

<u>Sơ đồ 2.14</u>: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính.

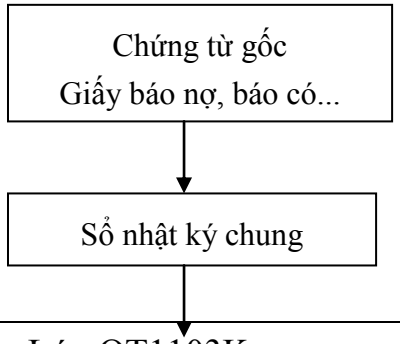

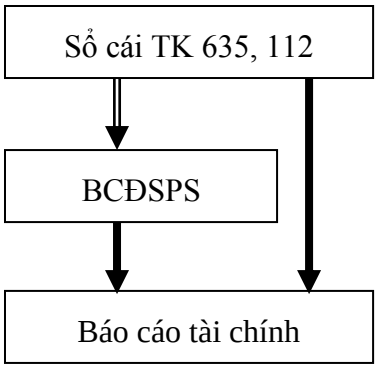

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⟹

Ghi cuối năm: ➡

Ví dụ:

Ngày 31/10/2010 Công ty trả lãi vay Ngân hàng ACB số tiền là: 1.020.000 đồng.

=> Căn cứ vào giấy báo nợ của Ngân hàng ACB kế toán viết phiếu chi số 340. Kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 112(biểu số 2.4), sổ cái TK 635(biểu số 2.8) và các chứng từ khác có liên quan.

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang	Mẫu số: 02-TT
Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà nẵng, NQ, HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 10 năm 2010 Số**:** 340

Nợ Tk 635 : 1.020.00

Có TK 112: 1.020.00

Họ và tên người nhận tiền : Cao Thanh Hải

Địa chỉ: Công ty cổ phần thương mại hoá chất Minh Khang.

Lý do chi : Trả lãi vay ngân hàng.

Số tiền : 1.020.000 đ

Kèm theo: ..GBN 263.....

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): *Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc	***Kế toán trưởng***	***Người nộp tiền***	***Người lập biểu***	***Thủ quỹ***
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): …….

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý): …….

+ Số tiền quy đổi: …….

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính..

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**SH TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	Số hiệu	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			SDDK			

			.....			
31/10	PC 339	31/10	Trả tiền CKTM	111	630.000	
31/10	PC 340	31/10	Trả lãi cho ngân hàng ACB	112	1.020.000	
....	...	....	.....	.....	.....	.....
31/10	PKT 22	31/10	K/C chi phí tài chính để XĐKQKD	911		1.863.300
			Cộng PS		**1.863.300**	**1.863.300**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 635

- **Kế toán tổng hợp chi phí tài chính**

Từ sổ cái Tk 635 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tháng 10 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.15: Kế toán tổng hợp chi phí tài chính

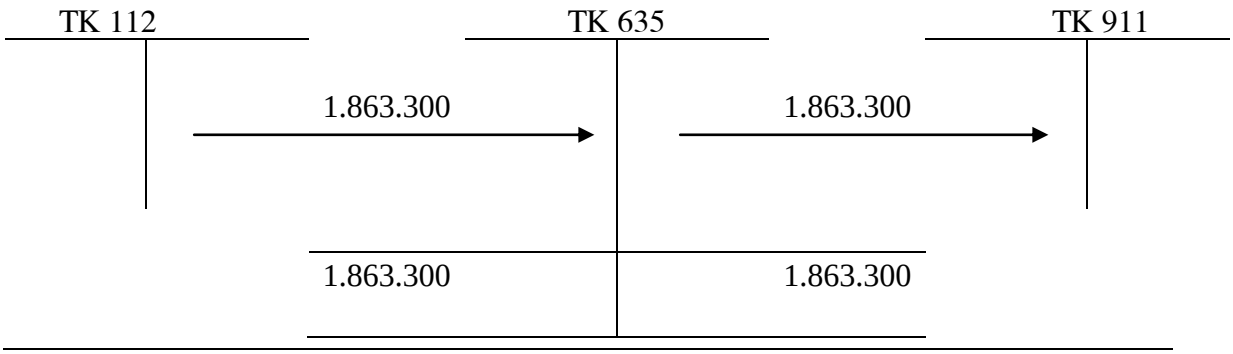

2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp**

a) Đặc điểm kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các khoản chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bằng tiền khác. Trong đó, chi phí tiền lương chi trả cho nhân viên chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:
  + TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
  + TK 111: Tiền mặt
- Chứng từ, sổ sách sử dụng:
  + Hóa đơn GTGT
  + Phiếu thu, phiếu chi
  + Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ khấu hao
  + Các chứng từ khác có liên quan
  + Sổ cái TK 642

c) Phương pháp hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán định khoản và vào các sổ sách liên quan.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được mô tả theo sơ đồ 2.16

<u>Sơ đồ 2.16</u>: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

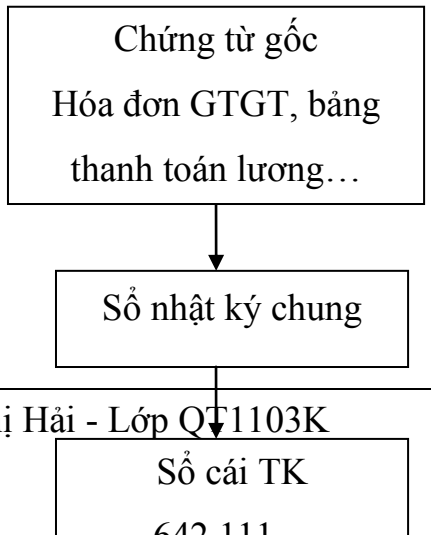

Ghi chú:

Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

Ghi cuối năm ➡

Ví dụ:

Ngày 21/10 Công ty nhận được hóa đơn tiền điện số tiền là: 2.062.970đ, Thuế GTGT là 10%. Công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

=> Căn cứ vào HĐ447668, kế toán viết phiếu chi. Từ các chứng từ gốc kế toán sẽ vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 642(biểu số 2.9),…và các sổ sách có liên quan.

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(*Liên 2: giao khách hàng*)

Mẫu số: 01GTKT - 2LN – 02
ID: 00447668
Ký hiệu: NV/2010B

Công ty Điện Lực An Dương Kỳ : 1 Từ ngày 16/09 đến ngày 15/10/2010

Điện lực: An Dương MST: 0200340211 – 007 Phiên 4

Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng Số GCS : ĐKQ01 – 0502 Số hộ:1

Điện thoại: 0313214988 Tài khoản: 01201 – 000021951 – 6 NN&PT nông thôn Hải Phòng.

Tên & địa chỉ khách hàng: Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang-Đà Nẵng, NQ, HP.

NSTKH: 0200607722 Mã KH: 991001002 Số C.tơ:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
1123	1028	30	2850		
16865	16729	1	136		
Ngày: 21/10/2010 TUQ Giám đốc		Trong đó	2708	630	1.706.040
			142	895	127.090
			136	1690	229.840
		Cộng	2986		2.062.970
		Thuế suất GTGT: 10%. Thuế GTGT			206.297
		Tổng cộng tiền thanh toán			**2.269.267**
Số viết bằng chữ: ***Hai triệu hai trăm sáu chín nghìn hai trăm sáu bảy đồng./***					

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang
Địa chỉ: Số 1/69/313 Đà nẵng, NQ, HP

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 10 năm 2010 Số**:** 330

Nợ TK 642: 2.062.970

Nợ TK 133: 206.297

Có TK 112: 2.269.267

Họ và tên người nhận tiền : Đoàn Thị Lợi

Địa chỉ: Công ty cổ phần thương mại hoá chất Minh Khang.

Lý do chi : Thanh toán tiền điện.

Số tiền : 2.269.267đ

Kèm theo: .....HĐ 447668.....

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): *Hai triệu hai trăm sáu chín nghìn hai trăm sáu bảy đồng./*

Ngày 21 tháng 10 năm 2010

Giám đốc	***Kế toán trưởng***	***Người nộp tiền***	***Người lập biểu***	***Thủ quỹ***
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): …….

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý): …….

+ Số tiền quy đổi: ……

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp..

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**SH TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	Số hiệu	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			SDDK			
....	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**
04/10	PC 313	04/10	Thanh toán tiền tiếp	111	3.2464.000	

			khách			
21/10	PC330	21/10	Thanh toán tiền điện	112	2.062.970	
23/10	PC332	23/10	Thanh toán tiền lương cho NV tháng 10	334	26.577.000	
…….	……	……	…….	……..	…….	……..
31/10	PKT22	31/10	K/C chi phí tài chính để XĐKQKD	911		135.316.800
			Cộng PS		**135.316.800**	**135.316.800**
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Số cái TK 642

- **Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp**

Từ sổ cái Tk 642 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 10 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.17: Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

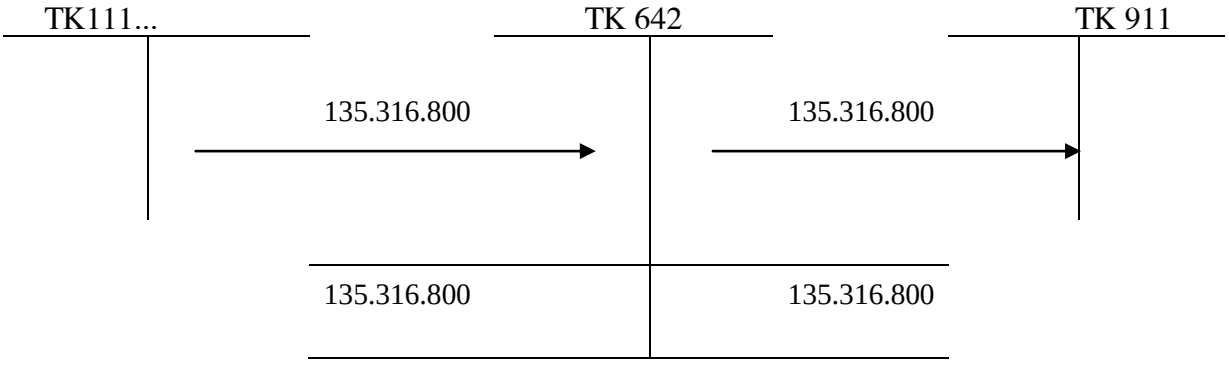

2.2.2.4 Kế toán chi phí khác.

a) Đặc điểm kế toán chi phi khác

Là chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của công ty. Nội dung của chi phí khác chủ yếu từ:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

+ Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Các khoản chi phí khác.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 811: Chi phí khác.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu thu, phiếu chi

+ Biên bản giao nhận TSCĐ

+ Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Các chứng từ khác có liên quan

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 811

+ Các sổ sách có liên quan.

c) Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh nhiệp vụ liên quan đến khoản chi phí khác kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để vào các sổ sách có liên quan.

Quy trình hạch toán chi phí khác được mô tả theo sơ đồ 2.18

Sơ đồ 2.18: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí khác.

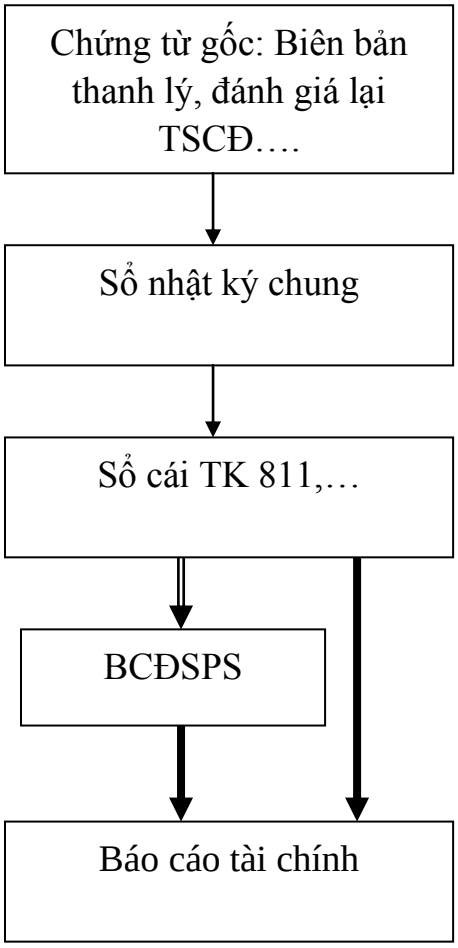

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Ghi cuối năm

Trong kỳ, doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang.

a) Đặc điểm kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

+ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

+ Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

+ Các tài khoản khác có liên quan: TK 511, 632, 642…

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Phiếu kế toán

+ Nhật ký chung

+ Các sổ cái có liên quan: 511, 515, 632, 642, 711, 811…

c) Phương pháp hạch toán:

Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 641, 642.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch "Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí" kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có) => Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có) => Doanh nghiệp hòa vốn.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có) => Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421- lợi nhuận chưa phân phối.

Căn cứ vào sổ cái TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, … Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kinh doanh lãi (lỗ) chuyển sang TK 421.

Ví dụ:

Tháng 10, kế toán kết chuyển từ sổ cái TK 511, 521, 515, 632, 642, 711…sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

=> Căn cứ vào các sổ cái TK 511, 521, 515, 632, 642, 711… kế toán lập phiếu kế toán. Sau đó, vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.1), sổ cái TK 911(biểu số

2.11), sổ cái TK 421(biểu số 2.12), sổ cái TK 821(biểu số 2.13).

Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang

Số 1/69/313, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số: 22 Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tài khoản	Nợ	Có
K/C doanh thu BH và cc dịch vụ	511	1.058.769.000	

K/C doanh thu BH và cc dịch vụ	911		1.058.769.000
K/C doanh thu hoạt động TC	515	889.400	
K/C doanh thu hoạt động TC	911		889.400
K/C thu nhập khác	711	13.500.000	
K/C thu nhập khác	911		13.500.000
K/C giá vốn hàng bán	911	847.015.200	
K/C giá vốn hàng bán	632		847.015.200
K/C chi phí quản lý doanh nghiệp	911	135.316.800	
K/C chi phí quản lý doanh nghiệp	642		135.316.800
K/C chi phí tài chính	911	1.863.300	
K/C chi phí tài chính	635		1.863.300
K/C thuế TNDN	911	22.240.775	
K/C thuế TNDN	821		22.240.775
Kết chuyển lãi	911	66.722.325	
Kết chuyển lãi	421		66.722.325
Tổng cộng		**1.073.158.400**	**1.073.158.400**

Viết bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy ba triệu một trăm năm tám nghìn bốn trăm đồng./

Người lập (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang
Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			SDDK			
…..	……	…….	…….	…..	……..	……..
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1.058.769.000
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		889.400
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển thu nhập khác	711		13.500.000
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	847.015.200	
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	135.316.800	
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển chi phí TC	635	1.863.300	
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển thuế TNDN	821	22.240.775	
31/10	PKT22	31/10	Kết chuyển lãi	421	66.722.325	
			Cộng PS		1.073.158.400	1.073.158.400
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu sô 2.11: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			SDDK		16.475.291	
…..	….	…..	.....	….	…..	……..
31/10	PKT22	31/10	K/C lãi	911		66.722.325
			Cộng PS			50.247.034
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty CP thương mại hoá chất Minh Khang Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số1/69/313 Đà Nẵng, NQ, HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			SDDK			
…..	….	…..	.....	….	……...	……..
31/10		31/10	Thuế TNDN phải nộp	3334	22.240.775	
31/10	PKT22	31/10	K/C thuế TNDN	911		22.240.775
			Cộng PS		22.240.775	22.240.775
			SDCK			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Kế toán ghi sổ ***Kế toán trưởng***

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 821

Từ sổ cái TK 911 tháng 10 năm 2010 của công ty ta có mô hình hạch toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Sơ đồ 2.19: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

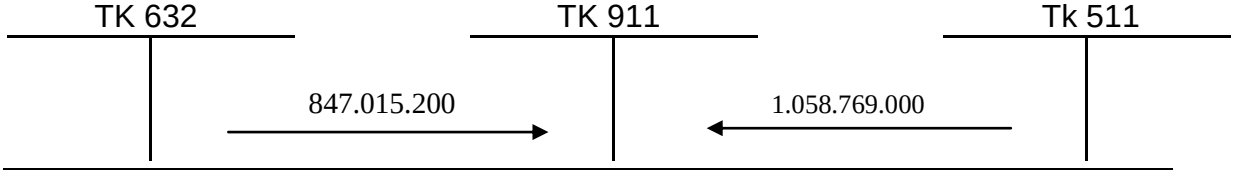

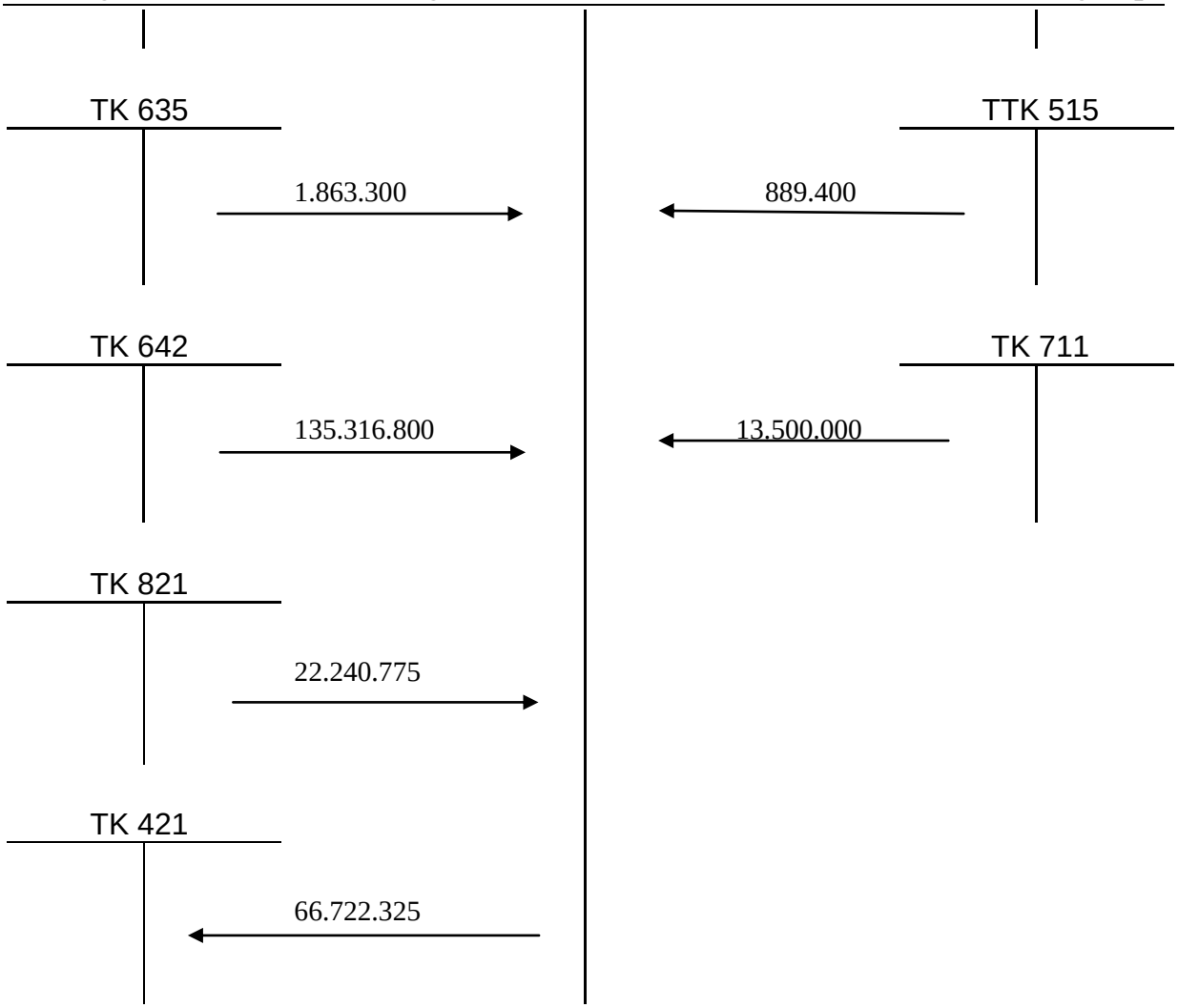

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT MINH KHANG.

3.1 Đánh giá, nhận xét về công tác tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại

Công ty CP thương mại hóa chất Minh khang.

3.1.1 Những ưu điểm

3.1.1.1 Về bộ máy kế toán

Được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách.

Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Việc bố trí phân chia công việc cụ thể cho kế toán viên phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa. Đồng thời, mỗi kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

3.1.1.2 Về chứng từ, sổ sách luân chuyển

❖ **Về chứng từ kế toán**

Chứng từ kế toán được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán được lập theo đúng nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, có chữ ký, đóng dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán được sắp xếp khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm kiếm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác giúp các cơ quan thuế, kiểm toán cũng như cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận lợi, dễ dàng và tiết kiệm thời gian.

❖ **Về sổ sách kế toán**

Sổ sách kế toán đều được tuân thủ theo đúng chế độ kế toán. Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với quy mô điều kiện của công ty.

Tổ chức hệ thống sổ kế toán và luân chuyển sổ sách tương đối hợp lý dựa trên nguyên tắc kế toán của chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với khả năng trình độ của đội ngũ kế toán, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi chép thường

xuyên theo từng ngày nên hạn chế tối đa những sai sót.

3.1.1.3 Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Tổ chức thông tin tại Công ty được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, hiện nay Công ty đang thực hiện công tác kế toán theo đúng những quy định mới nhất trong quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được ghi chép ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm cách quản lý chặt chẽ chi phí nhằm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được phản ánh kịp thời, nhanh chóng.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đáp ứng kịp thời giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận. Từ đó, đưa ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

3.1.2 Những nhược điểm

Trong nền kinh tế thị trường tất cả các doanh nghiệp đều phải trải qua những khó khăn đó là sự khẳng định chính bản thân mình trên thương trường. Bên cạch những ưu điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn tồn tại những mặt hạn chế với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần phải phân tích làm sáng tỏ từ đó có biện pháp nhằm cung cấp hoàn thiện hơn

nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp nhà quản lý đưa ra quyết định đúng đắn về hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh.

3.1.2.1 Về hình thức kế toán

Tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, hạch toán,...Hơn nữa nhu cầu quản lý về tài chính, ngân hàng, thuế...rất quan trọng đối với công ty cũng như các đơn vị có liên quan. Vì vậy, những thông tin mà phòng tài chính kế toán đưa ra rất cần thiết cho nhà quản lý của công ty. Ngoài việc phải phản ánh đầy đủ, chính xác, kế toán cần phải đưa ra những thông tin nhanh chóng kịp thời khi cần. Tuy nhiên, trong công ty kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trên Exel mất nhiều thời gian đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫm về số liệu, việc xác định kết quả sản xuất kinh doanh không chính xác.

3.1.2.2 Về nhân sự trong phòng kế toán

Số lượng nhân viên trong phòng kế toán của công ty là ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại rất nhiều. Hiện tại, nhân viên trong phòng kế toán phân công nhau phụ trách các lĩnh vực khác nhau của công ty. Một người có thể sẽ phải đảm nhiệm nhiều công việc.

Việc thiếu nhân sự ảnh hưởng rất lớn đến tính kịp thời của báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về hiệu quả kinh doanh và chi phí sản xuất.

3.1.2.3 Về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 23/06/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính đối với chế độ kế toán doanh nghiệp đó là: sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng để tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để tập hợp chi phí mà không theo dõi riêng biệt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng bộ phận có liên quan. Điều này không hợp lý gây khó khăn cho công ty dự toán và kiểm soát chi phí phát sinh, cũng như đưa ra các biện pháp nhằm giảm chi phí.

3.1.2.4 Về hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty chưa mở sổ chi tiết phải thu khách hàng, doanh thu tiêu thụ cho từng loại sản phẩm do đó gặp khó khăn cho lãnh đạo trong việc theo dõi kiểm tra chi tiết công nợ phải thu của từng khách hàng, số lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

3.1.2.5 Về dự phòng phải thu khó đòi

Công ty đã áp dụng những chính sách khuyến khích cho khách hàng (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại) nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, rút ngắn vòng quay vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên tình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng vẫn còn tồn tại. Khách hàng chiếm dụng vốn của công ty đã làm ảnh hưởng tới quá trình lưu chuyển vòng vốn ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh.

3.2 Những kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh khang.

3.2.1 Sự cần thiết và mục đích phải hoàn thiện

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau. Và kế toán là một công cụ hữu hiệu.

Trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro, các nhà quản lý doanh nghiệp luôn mong muốn được cung cấp những sản phẩm có tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Do đó, đòi hỏi tổ chức khâu quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả.

Việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp nhà quản trị có thể nắm bắt được tình hình một cách nhanh chóng và tổng quát hơn. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh không hiệu quả, về lâu dài sẽ ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết sẽ giúp nhà quản lý xây dựng khoa học, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính.

Doanh nghiệp được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ và cơ chế quy định của pháp luật.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện đảm bảo được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

Hoàn thiện phải dự trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2 Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh khang.

Trên cơ sở những lý luận đã học cùng với việc tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nghiệp nói riêng em nhận thấy tại công ty vẫn tồn tại những hạn chế mà doanh nghiệp nếu khắc phục thì phần hành kế toán sẽ được hoàn thiện hơn. Với góc độ là một sinh viên em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kiến nghị 1: Áp dụng phầm mềm vi tính vào công tác hạch toán kế toán

Công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách, ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Mà việc kế toán doanh thu dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng tới tính kịp thời của thông tin kinh tế. Vì vậy, Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Công ty có thể viết phần mềm kế toán theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư(TT 103/2005/TT – BTC của bộ tài chính ký ngày 24/01/2005) về việc hướng dẫn tổ chức và định khoản của phần mềm kế toán hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức "Nhật ký chung".

Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.

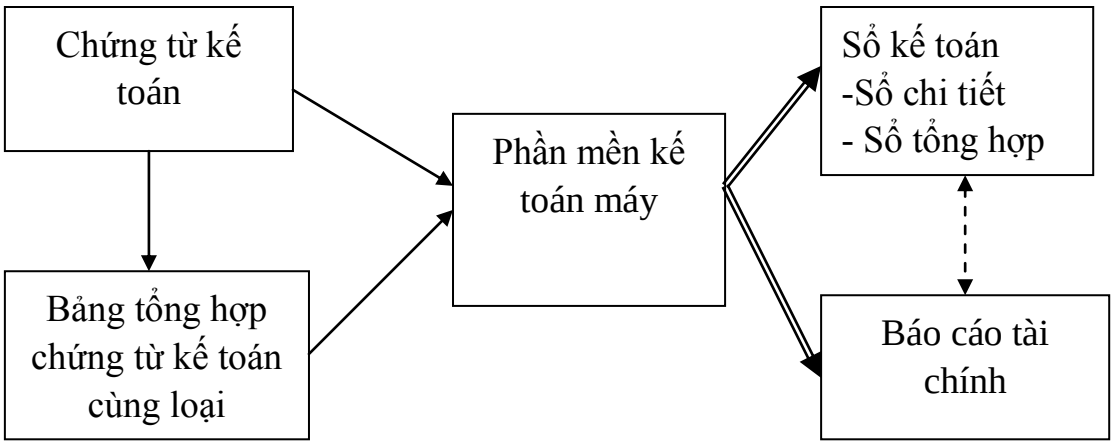

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày ——→

In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm ⟹

Đối chiếu, kiểm tra - - - - - - - →

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán như: MISA, SAS INNOVA,...sử dụng được một trong các phần mềm này thì việc sử lý, cung cấp thông tin kế toán tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Thêm vào đó tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả vẫn cao, dữ liệu được lưu trữ bảo quản an toàn và tiện lợi.

Tuy nhiên, trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cũng nên tính đến chi phí bỏ ra để sử dụng phần mềm sao cho phù hợp với tài chính của công ty. Đi đôi với đó là nên đào tạo đội ngũ kế toán, giúp cho các nhân viên trong công ty tiếp thu tốt được những nội dung của phần mềm kế toán áp dụng.

Kiến nghị 2: Bổ sung nhân sự trong phòng kế toán

Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán. Số lượng nhân viên kế toán của công ty còn thiếu sót với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên kế toán đều là những cán bộ trẻ năng động, có trình độ, chuyên môn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Mặt khác, các báo cáo tài chính kế toán thường dồn vào cuối kỳ. Mà khối lượng công việc lại hoàn toàn do kế toán trưởng đảm nhiệm. Do vậy, cung cấp thông tin cần thiết cho ban giám đốc sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác.

Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Số lượng nhân viên được bổ sung, khối lượng công việc sẽ được san sẻ bớt. Qua đó sẽ đảm bảo được công việc và tiến độ được giao.

Kiến nghị 3: Về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Khi hạch toán nghiệp mua quạt điện phục vụ cho bộ phận bán hàng kế toán phản ánh:

Nợ TK 642, 133

Có TK 111,112,131

Theo đúng chế độ kế toán của quyết định số 15 về hạch toán khoản chi phí phục vụ cho bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ vào hóa đơn, chứng từ liên quan kế toán phản ánh:

Nợ TK 641, 133

Có TK 111,112, 131

Việc hạch toán trên sai với quy tắc kế toán vì thực tế là khoản chi phí bán hàng phải có TK 641 nhưng kế toán công ty lại cho vào TK 642 sẽ ảnh hưởng đến việc xác định chi phí cho từng loại sản phẩm, dịch vụ của công ty, không phân biệt được TK 641 do loại hàng hóa, dịch vụ nào phát sinh. Vì vậy, khi phát sinh các nghiệp vụ kế toán cần phản ánh đúng, chính xác phù hợp với nội dung, phải có sự so sánh đánh giá để để đưa ra biện pháp khắc phục cho phù hợp với từng khoản chi của công ty.

Ví dụ: Ngày 3/10 Công ty mua 2 quạt điện Hoa Phượng phục vụ cho bộ phận bán hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 350.000

Nợ TK 133 : 3.500

Có TK 111 : 385.500

Chế độ kế toán theo quyết định số 15 kế toán ghi:

Nợ TK 641 : 350.000

Nợ TK 133 : 3.500

Có TK 111 : 385.500

Kiến nghị 4: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán là tổ chức hợp lý một hệ thống sổ phù hợp với đặc điểm kinh doanh, quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho kế toán...Việc tổ chức một hệ thống sổ phù hợp phải đảm bảo nguyên tắc chi tiết các khoản chi phí, giảm đến mức thấp nhất công việc ghi chép của kế toán, thuận lợi cho lưu trữ và dễ dàng kiểm tra, kiểm soát.

Do sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau(ống nhựa điều hòa có nhiều

loại to nhỏ khác nhau, hạt nhựa...). Cần theo dõi chi tiết cho từng loại sản phẩm, từ đó có thể nắm bắt chi tiết hơn doanh thu cho từng loại mặt hàng để có hướng sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. Vì vậy, công ty nên bổ sung thêm " sổ chi tiết bán hàng " cho từng loại sản phẩm.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản...)

Năm:...

Quyển sổ:...

Đơn vị tính:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phương pháp ghi sổ:

Cột A: Ghi ngày, tháng, năm kế toán ghi sổ

Cột B, C: Số hiệu, ngày tháng năm của chứng từ dùng ghi sổ

Cột D: Nội dung của nghiệp vụ phát sinh

Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng

Cột 1: Số lượng dịch vụ hàng hóa bán ra

Cột 2: Đơn giá của hàng hóa

Cột 3: Số tiền của đơn giá nhân với số lượng

Cột 4: Các khoản thuế giảm trừ doanh thu(thuế TTĐB, thuế XNK)

Cột 5: Các khoản giảm trừ từ khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại.

Mẫu sổ này có ưu điểm phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu của từng loại sản phẩm, dịch vụ. Mặt khác, mẫu sổ này còn giúp công ty thấy rõ được lợi nhuận của từng loại sản phẩm, dịch vụ đem lại.

Đồng thời, công ty mở "sổ chi tiết thanh toán người mua(người bán)" việc theo dõi công nợ của từng đối tượng kế toán phụ trách doanh thu để theo dõi các đối tượng thực hiện nghiệp vụ thanh toán của mình. Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán) dùng tiện theo dõi việc thanh toán với người mua(người bán) theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK: 131, 331)

Tài khoản:....

Đối tượng:....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn được hưởng CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			.....						
			Cộng số phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phương pháp ghi sổ:

Cột A: Ngày tháng năm ghi sổ

Cột B, C: Số hiệu ngày tháng năm của chứng từ dùng để ghi sổ

Cột D: Nội dung của nghiệp vụ phát sinh

Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng

Cột 1: Ghi thời hạn hưởng chiết khấu thanh toán trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác có liên quan

Cột 2, 3: Số tiền phát sinh bên nợ hoặc bên có của tài

Cột 4, 5: Ghi số dư bên nợ(bên có) của tài khoản sang từng nghiệp vụ thanh toán.

Kiến nghị 5: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra.

Do vậy để đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ, cuối mỗi niên độ kế toán trước khi lập các Báo cáo tài chính, kế toán phải tính số nợ có khả năng khó đòi được dựa vào khả năng hoặc tình hình thực tế của khách hàng và dự đoán khả năng của thị trường để lập các khoản dự phòng.

- **Căn cứ để xác định là khoản nợ phải thu khó đòi**

Đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế

Nợ phải thu chưa đến hạn trả nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn...

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi là nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

- **Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi.

+ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức lập dự phòng:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm.

- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.

+ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng do tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ các khoản nợ khó đòi để phản ánh vào bảng kê chi tiết, từ đó làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Xử lý khoản dự phòng**

Khi xác định được nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp phải tiến hành trích lập theo đúng quy định.

+ Nếu số dự phòng phải trích bằng số dự phòng phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải lập trích lập

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dự phòng phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

- **Xử lý tài chính đối với nợ không có khả năng thu hồi**

Tổn thất của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được.

Để phản ánh giá trị tổn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính(nếu có) để bù đắp phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã quyết toán, xử lý doanh nghiệp phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và ngoài bảng cân đối kế toán trong thời gian tối thiểu là 5 năm. Nếu thu hồi được thì số tiền thu hồi được sau khi đã trừ đi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến nợ phải thu thì hạch toán vào thu nhập khác.

Cuối năm, kế toán xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập. Kế toán ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Nếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí.

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nếu khoản nợ phải thu khó đòi xác định không đòi được thì được phép xóa nợ. Việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi. Kế toán ghi:

Nợ TK 139 : Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131 : Phải thu khách hàng

Có TK 138 : Phải thu khác

Đồng thời ghi bên nợ TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý

Đối với khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ. Nếu sau đó thu hồi được khoản nợ. Kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi nhận bên có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chiếm vị trí quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nếu hạch toán đúng đắn, chính xác nhà quản lý có cơ sở những biện pháp chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phấn đấu tăng doanh thu, giảm chi phí và thu nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp. Để làm được điều đó các doanh nghiệp phải hoàn thiện tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý trong đó có hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết qua kinh doanh.

Bài khóa luận: " **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang** " phần nào đã nêu rõ được những biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp Minh Khang nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất nói chung.

Bài khóa luận của em đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Đã hệ thống được những kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh trong các doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn: Phản ánh khách quan chân thực trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang với những số liệu minh chứng của năm 2010.

Đối chiếu lý luận với thực tế ở công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang bài khóa luận đã đưa ra kiến nghị trên các mặt sổ sách, hạch toán, theo dõi công nợ...để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các kiến nghị đều xuất phát từ thực tế, các cơ sở lý luận trên mang tính khả thi. Song do còn chưa tiếp xúc nhiều với thực tế, thời gian thực tập ngắn nên những kiến nghị vẫn mang nhiều màu sắc của lý luận, chưa thực sự bám chắc vào thực tế, chỉ mang tính chất tham khảo. Tuy nhiên, những kiến nghị em đưa ra cũng là những ý kiến tham khảo cho Công ty.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của thầy cô,

ban giám đốc cùng phòng ban kế toán của công ty để bài báo cáo của em được hoàn thiện.

Sau cùng em xin chân thành cám ơn thầy và các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học DL Hải Phòng và các cô chú trong phòng kế toán của công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cám ơn.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Hải

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – quyển 1(ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) – NXB: thống kê.

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – quyển 2(ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) – NXB: thống kê.

3. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ(ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) – NXB: thống kê.

4. Các bài khóa luận tốt nghiệp năm 2010 của sinh viên trường đại học DL Hải Phòng.

5. Giáo trình Lý thuyết và thực hành kế toán Tài chính – PGS.TS Nguyễn Văn Công.

6. Giáo trình kế toán Tài chính Doanh nghiệp – PGS.TS Đặng Thị Loan.

7. Luật kế toán năm 2003.

8. Các trang web chính thức của chính phủ, nhà nước, trang web kế toán và các báo kinh tế.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH ... 9
1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh 10
1.1.1 Doanh thu trong doanh nghiệp 10
1.1.1.1 Khái niệm 10
1.1.1.2 Hạch toán doanh thu cần tôn trọng một số quy định 10
1.1.1.3 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu 11
1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu. 12
1.1.3 Chi phí trong doanh nghiệp. 13
1.1.3.1 Khái niệm 13
1.1.3.2 Các loại chi phí 13
1.1.4 Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 15
1.1.4.1 Khái niệm 15
1.1.4.2 Ý nghĩa của kết quả kinh doanh 16
1.1.4.3 Phương pháp xác định doanh thu 16
1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 16
1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 17
1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu 17
1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 17
1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 21
1.3.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 22
1.3.3 Kế toán thu nhập khác 25
1.3.4 Kế toán giá vốn hàng bán 27
1.3.5 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp 31
1.3.6 Kế toán chi phí hoạt động tài chính 36
1.3.7 Kế toán chi phí khác 38
1.3.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 40
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT MINH KHANG. 43
2.1 Khái quát về Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang. 43
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang. 43
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại của Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang. 43
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang. 46

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và sổ sách kế toán tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh khang. 47
2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang..... 50
2.2.1 Kế toán doanh thu tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang. 50
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 50
2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 60
2.2.1.3 Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính 64
2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác..... 69
2.2.2 Kế toán chi phí tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang. 76
2.2.2.1 Kế toán giá vốn. 76
2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính. 80
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... 84
2.2.2.4 Kế toán chi phí khác..... 89
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh Khang..... 90
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT MINH KHANG 97
3.1 Đánh giá, nhận xét về công tác tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại hóa chất Minh khang..... 97
3.1.1 Những ưu điểm..... 98
3.1.1.1 Về bộ máy kế toán..... 98
3.1.1.2 Về chứng từ, sổ sách luân chuyển..... 98
3.1.1.3 Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh . 99
3.1.2 Những nhược điểm..... 99
3.1.2.1 Về hình thức kế toán 100
3.1.2.2 Về nhân sự trong phòng kế toán 100
3.1.2.3 Về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp 100
3.1.2.4 Về hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 100
3.1.2.5 Về dự phòng phải thu khó đòi..... 101
3.2 Những kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh khang. 101
3.2.1 Sự cần thiết và mục đích phải hoàn thiện 101
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện..... 101
3.2 Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại hóa chất Minh khang. 102
KẾT LUẬN 113